

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. HỒ CHÍ MINH



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHTPHCM ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)*

TP. Hồ Chí Minh, năm 2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2025

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ban hành kèm theo Quyết định số: 10/QĐ-TĐHTPHCM ngày 21 tháng 3 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mô tả chương trình đào tạo

1.1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng nhằm đào tạo Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc đạt hiệu quả trong các lĩnh vực liên quan đến logistics, quản lý chuỗi cung ứng, vận tải và thương mại quốc tế tại các doanh nghiệp và tổ chức trong và ngoài nước.

1.1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình: - Tiếng Việt - Tiếng Anh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng Logistics and Supply Chain Management
2. Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
3. Ngành đào tạo	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
4. Mã số	7510605
5. Thời gian đào tạo	4 năm
6. Trường cấp bằng	Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh
7. Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: - Tiếng Việt - Tiếng Anh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng Logistics and Supply Chain Management
8. Khoa quản lý	Kinh tế
9. Điều kiện tốt nghiệp	Áp dụng Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo quy định hiện hành của Trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo
10. Học tập nâng cao trình độ	Sinh viên tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước
11. Thời điểm cập nhật bản mô tả	03/2025

1.2. Chương trình đào tạo tham khảo khi xây dựng

a) Chương trình đào tạo Nước ngoài

- Chương trình Cử nhân Khoa học ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng tại trường Đại học Embry-Riddle cung cấp kiến thức chuyên sâu và kỹ năng thực tiễn để giải quyết các thách thức trong quản lý phân phối và chuỗi cung ứng. Với nhu cầu nhân lực tăng mạnh, sinh viên được đào tạo bài bản về mua sắm, bảo trì, vận chuyển và toàn cầu hóa chuỗi cung ứng, đồng thời phát triển kỹ năng mô hình hóa, quản lý hàng tồn kho, kho bãi và đánh giá hiệu suất hoạt động.

- Chương trình Cử nhân Quản trị Kinh doanh ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng tại trường Đại học DOHA trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực tiễn về mua sắm, công nghệ chuỗi cung ứng và quản lý rủi ro. Chương trình giúp sinh viên tối ưu hóa vận hành, áp dụng công nghệ tiên tiến và thúc đẩy giải pháp bền vững, chuẩn bị cho các vai trò trong thu mua, phân tích chuỗi cung ứng và quản lý vận tải.

b) Chương trình đào tạo trong nước

- Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội được xây dựng theo hướng hiện đại, toàn diện, trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức vững chắc về kinh tế, quản lý, khoa học tự nhiên, xã hội và chuyên môn ngành. Chương trình chú trọng phát triển kỹ năng thực hành, tư duy phản biện, sáng tạo, làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả và tạo cơ hội thực tập từ năm thứ hai tại các doanh nghiệp. Đồng thời, chương trình kết nối sinh viên với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước, mở rộng cơ hội nghề nghiệp trong các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, tư vấn, bán lẻ hoặc khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp.

- Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng tại trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh trang bị cho sinh viên nền tảng vững chắc về kinh tế, quản lý và chuyên môn. Đồng thời, chương trình nhấn mạnh phát triển kỹ năng thực hành, giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy phản biện, giúp sinh viên dễ dàng thích ứng với môi trường kinh doanh hiện đại.

Căn cứ thực tiễn vào Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về chuẩn đầu ra ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của trường Đại học Tài Nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh theo từng năm.

1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

1.5. Điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

2. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ đại học nhằm trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức liên ngành về kinh tế, pháp luật, chính trị – xã hội, cùng với chuyên môn sâu về logistics và chuỗi cung ứng. Sinh viên được phát triển các kỹ năng phân tích, tư duy phản biện, dự báo và đề xuất giải pháp nhằm tối ưu hóa hoạt động logistics và chuỗi cung ứng trong bối cảnh thị trường biến động. Chương trình cũng chú trọng rèn luyện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, sử dụng thành thạo tiếng Anh và công cụ công nghệ, đồng thời khuyến khích tinh thần sáng tạo, khởi nghiệp và học tập suốt đời để thích ứng và nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Hiểu và phân tích các kiến thức nền tảng về kinh tế, pháp luật, chính trị – xã hội để vận dụng vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn trong logistics, vận tải và chuỗi cung ứng.

PO2: Áp dụng kiến thức chuyên sâu về logistics và quản lý chuỗi cung ứng như vận tải, kho bãi, mua hàng, phân phối, tài chính và thương mại điện tử để đánh giá và tối ưu hóa các hoạt động chuỗi cung ứng.

PO3: Phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh trong học tập và công việc; sử dụng thành thạo công cụ tin học văn phòng và phần mềm chuyên ngành phục vụ công việc logistics và phát triển nghề nghiệp.

PO4: Phân tích, dự báo và đề xuất giải pháp cải tiến chuỗi cung ứng phù hợp với biến động thị trường; thiết kế và triển khai kế hoạch, dự án logistics nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và năng lực cạnh tranh.

PO5: Hình thành và rèn luyện các phẩm chất đạo đức, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo và tư duy phản biện; thể hiện tinh thần trách nhiệm, sáng tạo, khởi nghiệp và duy trì thái độ học tập suốt đời để thích ứng với sự thay đổi của ngành.

2.2. Chuẩn đầu ra

2.2.1. Kiến thức

ELO1: Hiểu và phân tích các vấn đề kinh tế – xã hội liên quan đến logistics và chuỗi cung ứng dựa trên kiến thức nền tảng về đường lối chính sách, luật pháp, tài chính, tiền tệ và thương mại quốc tế.

ELO2: Áp dụng kiến thức về kinh tế học, kinh doanh và quản lý, bao gồm kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, quản trị chuỗi cung ứng và logistics để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong vận tải, kho bãi, phân phối và thương mại điện tử.

ELO3: Vận dụng các chức năng của quản trị logistics và chuỗi cung ứng để hoạch định, tổ chức, vận hành và kiểm soát hiệu quả các hoạt động trong doanh nghiệp.

ELO4: Phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả logistics và chuỗi cung ứng, dựa trên kiến thức về tài chính, phân tích dữ liệu, quản trị rủi ro và đổi mới sáng tạo.

ELO5: Lập kế hoạch và phát triển các dự án kinh doanh hoặc khởi nghiệp trong lĩnh vực logistics, thông qua việc tích hợp kiến thức về vận hành, vận tải, kho bãi, mua hàng và dự án logistics với thực tiễn nghề nghiệp

ELO6: Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào quản lý logistics, vận hành chuỗi cung ứng số hóa và thương mại điện tử trong môi trường toàn cầu hóa.

2.2.2. Kỹ năng

ELO7: Đạt được chuẩn đầu ra tiếng Anh và tin học theo quy định xét tốt nghiệp của Trường đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh; sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, trao đổi công việc, thích ứng với môi trường logistics.

ELO8: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kết nối, truyền cảm hứng và phối hợp hiệu quả để giải quyết các vấn đề đa phương trong chuỗi cung ứng; xây dựng nền tảng cho khởi nghiệp và phát triển nghề nghiệp.

ELO9: Rèn luyện tư duy logic, tư duy phản biện và kỹ năng truyền đạt để phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề trong logistics và chuỗi cung ứng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và thích ứng với môi trường kinh doanh.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

ELO10: Hình thành ý thức trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm tập thể trong quá trình làm việc độc lập hoặc theo nhóm, đảm bảo hiệu quả trong giải quyết các vấn đề logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

ELO11: Phát triển kỹ năng hướng dẫn, chia sẻ và giám sát, hỗ trợ các thành viên trong tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn trong quản lý chuỗi cung ứng, vận tải, kho bãi và logistics.

ELO12: Nâng cao khả năng tự định hướng, đề xuất giải pháp, phản biện và đưa ra kết luận chuyên môn, phục vụ thuyết trình, bảo vệ dự án, đề án nghiên cứu trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng.

ELO13: Xây dựng kỹ năng hoạch định, phân bổ và sử dụng nguồn lực hiệu quả để triển khai các dự án logistics và chuỗi cung ứng, đồng thời giám sát, theo dõi tiến độ, đánh giá và tối ưu hóa quy trình, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.

Ma trận mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ELOs)

CHUẨN ĐẦU RA (ELOs)	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO (POs)				
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
ELO1	H	M	L	L	M
ELO2	H	H	M	L	M
ELO3	M	H	L	H	M
ELO4	M	H	L	H	M
ELO5	L	H	L	H	H
ELO6	L	M	H	M	M
ELO7	L	L	H	L	M
ELO8	L	M	M	M	H
ELO9	M	H	M	H	H
ELO10	L	M	M	M	H
ELO11	L	M	L	H	M
ELO12	M	M	M	H	H
ELO13	M	H	L	H	M

(H: High – Đóng góp cao, M: Medium – Đóng góp trung bình, L: Low – Đóng góp thấp)

2.3. Vị trí làm sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng có thể làm việc tại các tổ chức trong và ngoài nước thuộc nhiều lĩnh vực như: logistics, vận tải, thương mại, sản xuất, thương mại điện tử, xuất nhập khẩu, cũng như các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, hiệp hội chuyên ngành, trường đại học và tổ chức phi chính phủ, với các nhóm vị trí có thể đảm nhận như sau:

- Nhân viên điều hành logistics và chuỗi cung ứng: Điều phối đơn hàng, lập kế hoạch giao nhận, theo dõi vận chuyển, xử lý sự cố phát sinh trong chuỗi cung ứng.
- Chuyên viên xuất nhập khẩu và thủ tục hải quan: Chuẩn bị chứng từ quốc tế, khai báo hải quan điện tử, làm việc với cơ quan chức năng và đối tác nước ngoài.
- Chuyên viên điều phối vận tải và giao nhận: Lập kế hoạch vận tải, điều phối phương tiện, giám sát tiến độ giao nhận và tối ưu hóa chi phí vận chuyển.
- Chuyên viên quản lý kho bãi và tồn kho: Tổ chức, sắp xếp kho hàng, kiểm soát chất lượng và số lượng tồn kho, ứng dụng phần mềm WMS và công nghệ tự động hóa.
- Chuyên viên phân tích và hoạch định chuỗi cung ứng: Phân tích dữ liệu, dự báo nhu cầu, thiết kế và cải tiến mạng lưới chuỗi cung ứng, phối hợp các bộ phận mua hàng, sản xuất, phân phối.
- Công tác tại các cơ quan quản lý Nhà nước, viện nghiên cứu, học viện, trường đại học hoặc tổ chức chính phủ: Thực hiện các vai trò như giảng viên, nghiên cứu viên hoặc cố vấn chuyên môn trong các dự án phát triển chính sách, cải tiến quy trình logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

Sau khi tích lũy kinh nghiệm, kỹ năng quản lý và hiểu sâu về hệ thống vận hành, trong khoảng 6 đến 10 năm, người học có thể đảm nhận các vị trí quản lý cấp trung như:

- Trưởng nhóm logistics, trưởng nhóm điều phối kho – vận tải.
- Trưởng phòng kho vận, vận tải, mua hàng, phân phối hoặc kế hoạch chuỗi cung ứng.
- Trưởng bộ phận xuất nhập khẩu tại doanh nghiệp sản xuất.
- Chuyên viên tư vấn, giám sát quy trình chuỗi cung ứng toàn diện.
- Chủ doanh nghiệp logistics nhỏ và vừa hoặc giám đốc điều hành đơn vị logistics khu vực.

Với kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm quản lý và tư duy chiến lược, sau hơn 10 năm, cử nhân có thể tiến đến các vị trí lãnh đạo cấp cao như:

- Giám đốc chuỗi cung ứng (Chief Supply Chain Officer - CSCO).
- Giám đốc logistics (Chief Logistics Officer - CLO).
- Giám đốc vận hành (Chief Operating Officer - COO).
- Giám đốc mua hàng, vận tải, phân phối hoặc xuất nhập khẩu (Procurement Director / Logistics Director / Import-Export Director).
- Tổng giám đốc công ty logistics, thương mại, sản xuất (Chief Executive Officer - CEO).
- Chủ doanh nghiệp logistics phát triển quy mô trong và ngoài nước (Global Logistics Business Owner).

3. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a) Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy.

Tổng số 50 phòng học với diện tích 4.050 m² đủ chỗ cho trên 10.000 sinh viên, 7 phòng chức năng đảm nhận vai trò hỗ trợ công tác đào tạo, các phòng thí nghiệm (Hóa – Lý đại cương, Trắc địa, Tin học, Thủy văn, Môi trường), phòng thực hành ngoại ngữ với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập.

Hai thư viện của trường tại hai cơ sở có diện tích 400m² với 10.000 đầu sách trong đó khoảng 250 đầu sách và tài liệu tham khảo phục vụ chương trình đào tạo. Hiện nay, nhà trường đang tiếp tục triển khai dự án thư viện điện tử.

Nhà trường cũng đã đầu tư xây dựng các công trình phục vụ hoạt động giải trí, thể thao, văn hóa phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên; các phòng làm việc cho giảng viên, cán bộ của trường để phục vụ công tác quản lý đào tạo.

Các phòng học lý thuyết được trang bị máy chiếu đa phương tiện, âm thanh (micro và loa), các thiết bị chiếu sáng, làm mát và nghe nhìn hỗ trợ cho việc giảng dạy bằng giáo án điện tử.

Đặc biệt, trong năm 2025 nhà trường sẽ đưa vào hoạt động chính thức giai đoạn 1 Cơ sở 3 tại Nhà Bè với 03 khối nhà làm việc, các phòng học học và phòng thực hành hiện

đại, đồng bộ.

b) Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực hành, ... được trang bị các thiết bị tiên tiến, hiện đại, đồng bộ đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, thực hành sát với thực tiễn. Những thiết bị mới được trang bị đều đạt hiệu suất sử dụng cao, phục vụ đắc lực cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, đặc biệt là các phòng thí nghiệm trọng điểm về hóa lý, môi trường, địa chất được đầu tư với các thiết bị tiên tiến, hiện đại tạo điều kiện thuận lợi trong việc hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường.

c) Thông tin thư viện

Stt	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	02
2	Số chỗ ngồi đọc	150
3	Số máy tính của thư viện	40
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	8.400
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	02

d) Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tài liệu học tập
1	121115010	Triết học Mác - Lênin	Tài liệu bắt buộc: Bộ giáo dục và đào tạo, Giáo trình Triết học Mác- Lenin, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội 2021 Tài liệu tham khảo: Đảng Cộng Sản VN, văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật Hà Nội, 2021.
2	121115011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Tài liệu bắt buộc: Bộ giáo dục và đào tạo, Giáo trình Triết học Mác- Lenin, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội 2021 Tài liệu tham khảo: Robert B. Ekelund, JR và Robert F.Hebert (2003). Lịch sử các học thuyết kinh tế, bản tiếng Việt, NXB Thống kê.
3	121115012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Tài liệu bắt buộc: Bộ giáo dục và đào tạo, Giáo trình Chủ Nghĩa Xã Hội Khoa Học, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội 2021 Tài liệu tham khảo: Đảng cộng sản VN, cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH. NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tài liệu học tập
4	121115013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tài liệu bắt buộc: Hội đồng Trung Ương chỉ đạo biên soạn giáo trình các môn lý luận chính trị: Giáo trình Tư tưởng HCM. NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 2021. Tài liệu tham khảo: Phạm Văn Đồng: HCM tinh hoa và khí phách của dân tộc, NXB Chính trị quốc gia HN, 2012
5	121115014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Tài liệu bắt buộc: Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng Sản VN, giành cho sinh viên khối không chuyên Mác Lênin, Tư tưởng HCM, Lịch sử Đảng, NXB Chính trị quốc gia, 2021. Tài liệu tham khảo: Đảng cộng sản VN, văn kiện Nghị quyết các kỳ đại hội Đảng.
6	121115015	Pháp luật đại cương	Tài liệu bắt buộc: Giáo trình pháp luật đại cương, NXB Giáo dục, Bộ Giáo dục và đào tạo Tài liệu tham khảo: Giáo trình Pháp luật đại cương, T.S Nguyễn Hợp Toàn, Đại học Kinh Tế Quốc Dân Hà Nội.
7	180215999	Kinh tế học bền vững	Tài liệu chính Holger Rogall – Kinh tế học bền vững – Lý thuyết kinh tế và thực tế của phát triển bền vững, (Người dịch: Nguyễn Trung Dũng), NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ 2011.
8	180750001	Logistics xanh	Tài liệu bắt buộc: Trường Đại học Thương mại, Logistics Xanh trong Quản trị Logistic, 2021. McKinnon, A., Browne, M., Piecyk, M., & Whiteing, A, Green Logistics: Improving the Environmental Sustainability of Logistics (3rd ed.), Kogan, 2015. Tài liệu tham khảo: Psaraftis, H. N, Green Transportation Logistics: The Quest for Win-Win Solutions, Springer, 2016. Các bài báo khoa học và báo cáo về logistics xanh từ các tạp chí và hội thảo chuyên ngành.
9	180215041	Kinh tế biến đổi khí hậu	Tài liệu bắt buộc: Nicholas Stern, The Economics of Climate Change: Stern Review, Cambridge, 2007. Tài liệu tham khảo: Trần Hữu Thực và nhóm tác giả, Tác động của BĐKH đến tăng trưởng và phát triển kinh tế ở Việt Nam, NXB Thống kê, 2012. LEO DOBES, The Economics of Global Climate Change: A Historical, Literature Review. Review of Economics, No.65, 2014. OECD, Climate change mitigation: What can we do?, 2008. Katherine Bolt, Estimating the cost of Environmental degradation. A training manual. Worldbank, 2005.

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tài liệu học tập
10	111115008	Toán cao cấp 1	Tài liệu bắt buộc: Nguyễn Đình Trí, Toán cao cấp tập 1, NXB Giáo dục. Tài liệu tham khảo: Khu Quốc Anh, Đại số tuyến tính và hình học giải tích, NXB ĐHQG Hà Nội. Khu Quốc Anh, Bài tập Đại số tuyến tính và hình học giải tích, NXB ĐHQG Hà Nội. Nguyễn Đình Trí, Bài tập Toán cao cấp tập 1, NXB Giáo dục. Bùi Xuân Hải, Đại số tuyến tính, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM. Trần Lưu Cường, Đại số tuyến tính, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
12	111315006	Anh văn 1	Tài liệu bắt buộc: Grand Trew, TACTICS FOR THE TOEIC TEST Listening and Reading Test: Introductory Course, Oxford University Press, 2013 Tài liệu tham khảo: Lin Lougheed, Preparation series for the New Toeic Test: Introductory Course, Fourth edition, Longman, 2010. Anne Taylor, TOEIC Analyst. Second edition, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2015 Anne Taylor, Garrett Byrne, VERY EASY TOEIC Second edition, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2015
13	111315002	Anh văn 2	Tài liệu bắt buộc: Grand Trew, TACTICS FOR THE TOEIC TEST Listening and Reading Test: Introductory Course, Oxford University Press, 2013 Tài liệu tham khảo: Lin Lougheed, Preparation series for the New Toeic Test: Introductory Course, Fourth edition, Longman, 2010. Anne Taylor, TOEIC Analyst. Second edition, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2015 Anne Taylor, Garrett Byrne, VERY EASY TOEIC Second edition, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2015
14	180215001	Kinh tế vi mô	Tài liệu bắt buộc: N. Grygory Mankiw, Kinh tế học vi mô Robert S.Pindyck, Daniel L.Rubinfeld, Kinh tế học vi mô, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, NXB Thống kê – Hà Nội, 1999. TS Lê Bảo Lâm (Chủ biên), Kinh tế vi mô (tái bản lần 1), Trường ĐH Kinh tế, NXB Thống kê, Tp. Hồ Chí Minh, 2005. Tài liệu tham khảo: TS Nguyễn Như Ý, Th.S Trần Thị Bích Dung, Th.S Trần Bá Thọ, TS Nguyễn Hoàng Bảo; kinh tế học vi mô, NXB Thống kê. Kinh tế học tập 2, Paul. A. Samuelson & William D. Nordhalls, NXB Thống kê.

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tài liệu học tập
15	180215002	Kinh tế vĩ mô	Tài liệu bắt buộc: Grygory Mankiw, Kinh tế học vĩ mô Tài liệu tham khảo: Phan Nữ Thanh Thủy, Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư, kinh tế vĩ mô, nhà xuất bản Thống kê, 2013. Giáo trình kinh tế học vĩ mô - Bộ Giáo dục và đào tạo TS. Nguyễn Như Ý & ctv, Kinh tế vĩ mô, NXB kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2014 Bài tập kinh tế vĩ mô - Bộ Giáo dục và Đào tạo, Câu hỏi trắc nghiệm và bài tập Kinh tế học Vĩ mô. Trường ĐH Kinh tế Quốc dân. Tóm tắt – Bài tập – Trắc nghiệm Kinh tế vĩ mô. Trường Đại học Kinh tế TP HCM. Kinh tế học vĩ mô, Robert J.Gordon, NXB Khoa học kỹ thuật. Kinh tế học vĩ mô, David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch, NXB Thống kê. Kinh tế học tập 2, Paul. A. Samuelson & Wiliam D. Nordhalls, NXB Thống kê.
16	180215005	Nguyên lý kế toán	Tài liệu bắt buộc: Võ Văn Nhị, Nguyên lý kế toán, NXB Tài chính, 2018. Tài liệu tham khảo: Võ Văn Nhị, Hệ thống bài tập và Câu hỏi trắc nghiệm Nguyên lý kế toán, NXB Tài chính, 2018. Nguyễn Thị Loan, Nguyên lý kế toán (Lý thuyết - Bài tập - Bài giải), NXB Lao Động, 2018. Jerry J. Weygandt, Paul D. Kimmel, Jill E. Mitchell, Accounting Principles, 14th Edition, Wiley Publisher, 2020
17	180115007	Phân tích và dự báo kinh doanh	Tài liệu bắt buộc: Phạm Văn Dược và Trần Phước, Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh. Phạm Văn Dược, Huỳnh Đức Lộng, Lê Thị Minh Tuyết, Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh. Bùi Hữu Phước, Quản trị tài chính doanh nghiệp, Trường đại học Tài Chính Marketing, 2018. Tài liệu tham khảo: Nguyễn Năng Phúc, Giáo trình Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, NXB Tài chính, 2010. Vũ Duy Hào, Lưu Thị Hương, Quản trị tài chính doanh nghiệp, Hệ Thống câu hỏi trắc nghiệm Bài tập và đáp án, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Bùi Hữu Phước, Hệ thống bài tập và bài giải Tài Chính Doanh nghiệp, Trường Đại Học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Võ Thị Lan, Dự báo trong kinh doanh, ĐH Mở, 2005. Nguyễn Tấn Bình, Phân tích hoạt động doanh nghiệp, NXB Đại học Quốc gia, 2000. Phan Đức Dũng, Phân tích và dự báo kinh doanh, nhà xuất bản lao động, NXB Lao Động Xã Hội, 2011.

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tài liệu học tập
18	180116138	Các nền tảng kinh doanh trực tuyến	Tài liệu bắt buộc: Nguyễn Văn Hòe, Giáo trình Thương Mại Điện Tử căn bản, HN: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015. Tài liệu tham khảo: Nguyễn Văn Hùng và cộng sự, Thương Mại Điện Tử, TP. Hồ Chí Minh, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2013. Lưu Đan Thọ, Thương Mại Điện Tử hiện đại, TP. Hồ Chí Minh, NXB Tài chính, 2016. Các Báo cáo Thương mại điện tử Việt Nam hàng năm. Kotler P., Keller K.L, Marketing Management, NJ: Prentice Hall, 2012. Kenneth Laudon & Carol Guercio Traver, E- Commerce, 8th edition, Prentice Hall, 2012.
19	180115006	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Tài liệu bắt buộc: Ross, Westerfield và Jaffe, Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance, NXB Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh, 2019. PGS.TS. Vũ Duy Hào - PGS. TS Đàm Văn Huệ, Quản trị tài chính doanh nghiệp, NXB Trường đại học kinh tế quốc dân Hà Nội. Tài liệu tham khảo: TS. Bùi Hữu Phước, Quản trị tài chính doanh nghiệp, Trường Đại học Tài Chính Marketing, 2018. TS. Đặng Thị Việt Đức - ThS. Đinh Xuân Dũng, Nhà Xuất Bản Thông Tin Và Truyền Thông. PGS.TS Vũ Duy Hào - PGS.TS Lưu Thị Hương, Quản trị tài chính doanh nghiệp, Hệ Thống câu hỏi trắc nghiệm Bài tập và đáp án, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. TS Bùi Hữu Phước, Hệ thống bài tập và bài giải Tài Chính Doanh nghiệp, Trường Đại Học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
20	180116003	Toán kinh tế	Tài liệu bắt buộc: Nguyễn Thành Cả, Tối ưu hóa tuyến tính, NXB Lao động. Tài liệu tham khảo: Lê Khánh Luận, Quy hoạch tuyến tính, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. Trần Túc, Bài tập Quy hoạch tuyến tính, NXB Khoa học Kỹ thuật. Đặng Hán, Quy hoạch tuyến tính, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Phạm Trí Cao, Tối ưu hóa ứng dụng, NXB Thống kê, TP. Hồ Chí Minh. A. C. Chiang, Fundamental Methods of Mathematical Economics, McGraw-Hill, Inc., 3rd edition.
21	180750002	Kinh tế vận tải và logistics	Tài liệu bắt buộc: Phạm Thị Nga, Kinh tế vận tải và Logistics, NXB Giao thông vận tải, 2016. Tài liệu tham khảo: Nguyễn Văn Điệp, Chu Kiều Linh, Nguyễn Thị Tường Vi, Đỗ Thị Ngọc Điệp, Kinh tế vận tải, Trường đại học Giao thông vận tải, 2003.

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tài liệu học tập
			P.C. Tubbs, W.J.. Tyson, M.Q. Dalvi, Transport Economic, George Allen & Unwin, 1978. Các bài báo khoa học và báo cáo về Kinh tế vận tải và logistics từ các tạp chí và hội thảo chuyên ngành.
22	180115096	Quản trị học	Tài liệu bắt buộc: PGS. TS. Nguyễn Thị Liên Diệp - TS Trần Anh Minh, Quản trị học, Nhà xuất bản Tài chính, 2022. Tập thể tác giả Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM Quản trị học, Tóm tắt lý thuyết và câu hỏi trắc nghiệm. Nhà xuất bản Kinh tế Tp.HCM, 2018. Tài liệu tham khảo: Lưu Đan Thọ, Quản Trị Học Trong Xu Thế Hội Nhập - Những Vấn Đề Cốt Yếu Của Quản Lý. Nhà xuất bản Tài chính, 2015. Stephen P. Robbins, Mary Coulter, Management, (15th Edition). Pearson Higher Ed., 2020.
23	180115021	Kỹ năng thuyết trình	Tài liệu bắt buộc: Kỹ năng thuyết trình hiệu quả, NXB Lao Động, 2018. Tài liệu tham khảo: Theo bald (Thành Khanh, Diễm Quỳnh dịch), Nâng cao kỹ năng thuyết trình, NXB Hồng Đức, 2018 TS. Laura Sicola (Dương Hậu dịch), Kỹ năng thuyết trình chuyên nghiệp, NXB Công Thương, 2019 Nguyễn Thụy Khánh Chương, Bản đồ tư duy trong thuyết trình, NXB Dân Trí, 2018.
24	180115029	Kỹ năng tư duy	Tài liệu bắt buộc: Mai Đỗ, Kỹ năng tư duy phản biện, NXB Công Thương, 2022. Lại Thế Luyện, Kỹ năng tư duy sáng tạo, NXB Thời đại, 2016. Tài liệu tham khảo: Jeff Degraff & Staney Degraff, Tư duy sáng tạo: làm chủ 6 kỹ năng khơi nguồn đổi mới, NXB Trẻ, 2022.
25	180115025	Kỹ năng giao tiếp	Tài liệu bắt buộc: Nguyễn Thị Hoài Thanh, Trần Thị Lệ Hoa, Bài giảng Kỹ năng giao tiếp, 2024. Tài liệu tham khảo: Richard Hall (Nguyễn Thị Yến dịch), Thập đơn giản thuyết trình, NXB Lao động – Xã hội, 2009. Huỳnh Lâm Anh Chương, Nguyễn Trí Hậu, Ngô Thị Phương Hiền.
26	180115027	Kỹ năng tìm việc	Tài liệu bắt buộc: Nguyễn Thị Lê Hương & Đặng Thị Huyền (CB), Cẩm nang việc làm và lập nghiệp. NXB Lao động Xã hội, 2011. C. Levinson & Ray Conrad, Nghệ thuật săn việc 2.0 (Bản dịch), NXB Trẻ TP. Hồ Chí Minh, 2011. Tài liệu tham khảo: Hạnh Nguyên, Cẩm nang việc làm cho lao động trẻ. NXB Thanh niên, 2003. Bích Phụng, Quyết định đúng đắn khi tìm việc, NXB Lao động Xã hội, 2009.

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tài liệu học tập
27	180750004	Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Tài liệu bắt buộc: Đặng Đình Đào, Giáo trình Logistics, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021. PGS.TS. Nguyễn Phúc Nguyên, TS. Lê Thị Minh Hằng, Quản trị chuỗi cung ứng, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, 2021. F. Robert Jacobs, Richard B. Chase, Operations and Supply Chain Management, McGraw Hill, 2018. Tài liệu tham khảo: Trần Thanh Hải, Hỏi đáp về Logistics, Nhà xuất bản Công Thương, 2023. Bộ Công Thương, Báo cáo Logistics Việt Nam, Nhà xuất bản Công Thương, 2017-2023. Các trang thông tin điện tử chuyên ngành: www.logistics.gov.vn www.vla.com.vn www.cscmp.org www.transportgeography.org
28	180750005	Khai thác vận tải	Tài liệu bắt buộc: Nguyễn Ngọc Chương, Kỹ thuật Tác nghiệp Vận tải, trường đại học Giao thông Vận tải, 2000. Ths. Trần Thị Lan Hương, Ths. Nguyễn Thị Hồng Mai; Tổ chức và quản lý vận tải ô tô; Nhà xuất bản Giao thông vận tải. Tài liệu tham khảo: P.C. Stubbs, W.J. Tyson, M.Q. Dalvi; Transport Economics; George Allen & Unwin Các định quy định tổ chức, khai thác vận tải hiện hành Các bài báo khoa học và báo cáo về tổ chức quản lý và khai thác vận tải từ các tạp chí và hội thảo chuyên ngành.
29	180750006	Quản trị kho hàng và hàng tồn kho	Tài liệu bắt buộc: Phan Thanh Lâm, Cẩm nang Quản trị kho hàng, Nhà xuất bản Phụ Nữ, 2014. Nguyễn Như Phong, Quản lý Kho vận, Trường đại học Bách Khoa, 2019. Gwynne Richards, Introduction to Warehouse Operations, Nhà xuất bản Kogan Page, 2024. Tài liệu tham khảo: ThS. Thiều Thị Định, Bài giảng Quản trị kho hàng và hàng tồn kho, Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh, 2024. Nguyễn Văn Hợp, Hồ Thị Thu Hòa, Tăng Minh Hương, Nguyễn Thị Trúc Phương, Quản trị và vận hành kho hàng, Nhà xuất bản Giao thông Vận tải, 2024. Các bài báo khoa học và báo cáo về Quản lý kho hàng và hàng tồn kho từ các tạp chí và hội thảo chuyên ngành.
30	180115077	Quản trị vận hành	Tài liệu bắt buộc: Nguyễn Thành Hiếu, Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung, Giáo trình Quản trị tác nghiệp, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2018. Đặng Minh Trang, Lưu Đan Thọ, Quản trị vận hành hiện

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tài liệu học tập
			đại, NXB Tài chính, 2015. Đặng Minh Trang, Lưu Đan Thọ, Bài tập và bài giải Quản trị vận hành hiện đại, NXB Tài chính, 2015. Trương Đoàn Thế, Giáo trình Quản trị sản xuất và tác nghiệp, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2007. Tài liệu tham khảo: Nguyễn Kế Nghĩa, Phạm Văn Hiếu, Giáo trình Quản trị sản xuất và tác nghiệp, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2018. Đồng Thị Thanh Phương, Quản trị sản xuất và dịch vụ (Lý thuyết và Bài tập), NXB Lao động-Xã hội, 2011.
31	180115031	Quản trị chất lượng	Tài liệu bắt buộc: Tạ Thị Kiều An và các cộng sự, Quản lý chất lượng, NXB Thống kê, 2022 Tạ Thị Kiều An và các cộng sự, Bài Tập Quản lý chất lượng, NXB Thống kê, 2022. Tài liệu tham khảo: Bùi Nguyên Hùng, Quản lý chất lượng, NXB Đại Học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh, 2021. Lưu Thanh Tâm, Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, 2021. Quản lý chất lượng trong các tổ chức, Trường Đại học Kinh tế TP. TP. Hồ Chí Minh NXB Thống kê, 2020 David Hoyle, Quality management essentials. TCVN ISO 9000:2007 ISO 9000:2005, 2021.
32	180115030	Quản trị kinh doanh quốc tế	Tài liệu bắt buộc: Huỳnh Thị Thu Sương, Trần Văn Hưng, Tiêu Văn Trang, Giáo trình quản trị kinh doanh quốc tế, NXB. Tài chính, 2021. Tài liệu tham khảo: Nguyễn Văn Tám, Bùi Thảo Vy, Khuru Bảo Khanh, Giáo trình kinh doanh quốc tế, Trường Cao đẳng Kinh tế đối ngoại, 2021. Phạm Thị Hồng Yến, Giáo trình Kinh doanh quốc tế, Trường Đại học Ngoại thương, 2021. Hà Văn Hội, Quản trị kinh doanh quốc tế, Học viện Bưu chính viễn thông, 2007. Charles W. Hill, Global Business Today, 8th edition, Mc Graw-Gill, 2014.
33	180115170	Anh văn chuyên ngành	Tài liệu bắt buộc: Yulia Stukalina, Professional English For Students Of Logistics, Transport and Telecommunication Institute, 2014. Belay Seyoum, Export-Import Theory, Practices, and Procedures, Routledge, 2014 English for Export – Import and Logistics, Lê Thanh Hà, Trung tâm Kiến tập. Tài liệu tham khảo: English for Logistics, Marrión Grssendorf, Oxford, 2009. David Love, Dictionary of Transport and Logistic, Kogan Page, 2002.

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tài liệu học tập
34	180750007	An toàn và bảo hiểm vận tải	Tài liệu bắt buộc: Bài giảng An toàn vận tải – Trường Đại học Giao thông Vận tải. TS. Từ Sỹ Sùa, ThS. Nguyễn Thị Hồng Mai, Bảo hiểm trong Giao thông Vận tải, NXB Giao thông Vận tải, 2002. ThS. Nguyễn Thị Cẩm Loan, ThS. Hồ Thúy Trinh, Bài giảng: Vận tải và Bảo hiểm ngoại thương, Trường Đại học Tài chính – Marketing, 2017. Tài liệu tham khảo: PGS.TS. Bùi Xuân Cây, PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng, TS. Nguyễn Hữu Dũng, An toàn Giao thông đường bộ, NXB Giao thông Vận tải, 2012. TS. Triệu Cần Hồng, Vận tải Quốc tế - Bảo hiểm Vận tải Quốc tế, NXB Văn Hóa Sài Gòn, 2006. ICC (2020), Incoterms 2020, Phòng Thương mại Quốc tế. Nghị định, thông tư và văn bản hướng dẫn liên quan đến an toàn giao thông và bảo hiểm vận tải (Cập nhật theo quy định mới nhất của Bộ Giao thông Vận tải).
35	180750008	Hàng hóa vận tải	Tài liệu chính: Ths. Nguyễn Thị Hồng Thu, Ths. Chu Thị Huệ, Hàng hóa Vận tải, Đại học Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh, 2020. Tài liệu tham khảo: Ths. Thuyền trưởng Đinh Xuân Mạnh, Xếp dỡ và Bảo quản hàng hóa Tài liệu học tập, Hàng hóa trong vận tải biển, Đại học Hàng hải Việt Nam, 2017.
36	180115043	Quản trị chiến lược	Tài liệu bắt buộc: F. David, Khái luận quản trị chiến lược, 2016. Tài liệu tham khảo: Barry J. Witcher, Vinh Sum Chau, Strategic management: principles and practice , 2014. Palgrave Macmillan, Global strategic management, 2012. Porter, M., Chiến lược cạnh tranh, NXB Thống kê, TP. Hồ Chí Minh, 2014.
37	180750009	Quản trị vận tải đa phương thức	Tài liệu bắt buộc: PGS. TS Hồ Thị Thu Hòa, Quản trị vận tải đa phương thức, NXB Giao thông Vận tải, 2019. Tài liệu tham khảo: Ths. Nguyễn Thị Minh Hạnh, Quản trị vận tải đa phương thức, Trường đại học Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh. Các Nghị định, thông tư về vận tải đa phương thức.
38	180750010	Thiết kế đồ án môn học Quản trị vận tải đa phương	Tài liệu bắt buộc: PGS. TS Hồ Thị Thu Hòa, (2019), Quản trị vận tải đa phương thức, NXB Giao thông Vận tải. Tài liệu tham khảo: Ths. Nguyễn Thị Minh Hạnh, Quản trị vận tải đa phương

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tài liệu học tập
		thức	thức, Trường đại học Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh. Các Nghị định, thông tư về vận tải đa phương thức.
39	180750011	Hệ thống thông tin logistics	Tài liệu bắt buộc: TS. Lê Thanh Hà, Bài giảng Hệ thống thông tin Logistics, Học Viện Nông nghiệp Việt Nam. Tài liệu tham khảo: PGS.TS. An Thị Thanh Nhân, PGS.TS. Nguyễn Văn Minh, TS. Nguyễn Thông Thái, Giáo trình Quản trị Logistics kinh doanh, NXB Hà Nội.
40	180750012	Quản lý chuỗi cung ứng	Tài liệu bắt buộc: PGS.TS. Nguyễn Phúc Nguyên, TS. Lê Minh Hằng, Quản trị chuỗi cung ứng, NXB Đà Nẵng, 2016. F. Robert Jacobs, Richard B. Chase, Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 2015. Tài liệu tham khảo: GS.TS. Đoàn Thị Hồng Vân, TS. Nguyễn Xuân Minh, ThS. Kim Ngọc Đạt, Quản trị Cung Ứng, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2011. Các bài báo khoa học và báo cáo về Quản lý chuỗi cung ứng từ các tạp chí và hội thảo chuyên ngành.
41	180115060	Quản trị logistics	Tài liệu bắt buộc: Đặng Đình Đào, Trần Văn Bảo, Phạm Cảnh Duy và Đặng Thị Thúy Hồng, Giáo trình quản trị Logistics, NXB. Tài chính, 2018. Tài liệu tham khảo: Đoàn Thị Hồng Vân và Kim Ngọc Đạt, Logistics những vấn đề cơ bản, NXB. Lao động – Xã hội, 2013. Đỗ Ngọc Hiền, Quản Lý Logistics, NXB. ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, 2017. Martin Christopher, Logistics and supply chain management, FT Publishing International, 2016. Wessel Pienaar and John Vogt, Business Logistics Management, Oxford University Press, 2017.
42	180750013	Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	Tài liệu bắt buộc: PGS.TS. Nguyễn Hồng Đàm, GS.TS Hoàng Văn Châu, PGS.TS. Nguyễn Như Tiến, TS. Vũ Sỹ Tuấn, Vận tải và giao nhận trong ngoại thương, NXB Giao thông Vận tải, 2003. Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh, Giáo trình Giao nhận và Vận tải hàng hóa Quốc tế, 2017. Tài liệu tham khảo: Khai hải quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu, Thư viện Pháp luật.11 điều kiện về Incoterms 2020 (Phiên bản mới nhất), Thư viện Pháp luật. PGS.TS. Hoàng Văn Châu, Vận tải - Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, NXB Giáo dục.

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tài liệu học tập
			Hiệp hội Giao nhận quốc tế (FIATA): www.fiata.com . Hiệp hội Vận tải đường hàng không quốc tế (IATA): www.iata.com .
43	180115035	Thực hành nghề nghiệp	Tài liệu bắt buộc: Tài liệu giảng viên cung cấp/ hướng dẫn, giới thiệu tùy vào đề tài của sinh viên lựa chọn. Tài liệu tham khảo: Các tài liệu liên quan đến chủ đề của sinh viên lựa chọn.
44	180116005	Thị trường chứng khoán	Tài liệu bắt buộc: Nguyễn Hồng Nhung, Giáo trình thị trường chứng khoán, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2017 PGS.TS. Lê Hoàng Nga, Thị trường chứng khoán, Nhà xuất bản Tài chính, 2020. Tài liệu tham khảo: Nguyễn Văn Định, Giáo trình Tài chính – Tiền tệ, Trường Đại học Lao động – Xã hội, Nhà xuất bản Tài chính, 2019 PGS.TS. Bùi Kim Yến, Giáo trình Phân tích và đầu tư chứng khoán, Nhà xuất bản Tài chính, 2013
45	180750015	Tổ chức và khai thác ga, cảng	Tài liệu bắt buộc: TS. Nguyễn Văn Khoáng, ThS. Nguyễn Thị Hồng Thu, Quản lý khai thác Ga, Cảng, Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh, 2020. Tài liệu tham khảo: TS. Nguyễn Văn Khoáng, ThS. Mai Văn Thành, Quản lý và khai thác cảng, Trường Đại học Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh, 2020. Các nghị định, thông tư về tổ chức và khai thác ga, cảng Nghị định 05/2021/NĐ-CP – Quy định về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay do Chính phủ ban hành năm 2021. Thông tư 08/2021/TT-BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng biển, ban hành bởi Bộ Giao thông Vận tải năm 2021. Nghị định 56/2018/NĐ-CP – Quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt, ban hành bởi Chính phủ năm 2018. Thông tư 34/2019/TT-BGTVT – Hướng dẫn về hoạt động khai thác cảng biển và ga đường sắt, ban hành bởi Bộ Giao thông Vận tải.
46	180750016	Nghệp vụ thuế	Tài liệu bắt buộc: TS. Lê Quang Cường, TS. Nguyễn Kim Quyên, Giáo trình Thuế I, Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2019. Tài liệu tham khảo: Luật Thuế giá trị gia tăng (Luật số 13/2008/QH12) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (Luật số 14/2008/QH12) Luật Thuế thu nhập cá nhân (Luật số 04/2007/QH12) Nghị định 100/2016/NĐ-CP về Quản lý thuế Nghị định 126/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tài liệu học tập
			Thông tư 111/2013/TT-BTC về thuế thu nhập cá nhân Luật Thuế xuất nhập khẩu (Luật số 107/2016/QH13)
47	180115098	Quản trị nguồn nhân lực	Tài liệu bắt buộc: Trần Kim Dung, Quản trị nguồn nhân lực, NXB Tổng hợp Tp.HCM, 2018. Tài liệu tham khảo: Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi, Quản trị nguồn nhân lực, NXB Phương Đông, 2011. Hương Huy, Quản trị nguồn nhân lực, NXB GTVT, 2007. Nguyễn Văn Điềm & Nguyễn Ngọc Quân, Quản trị nguồn nhân lực, NXB đại học Kinh tế Quốc dân, 2010.
48	180750017	Nghiệp vụ ngoại thương	Tài liệu bắt buộc: PGS. TS. Tạ Lợi, Giáo trình Nghiệp vụ Ngoại thương, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019. Tài liệu tham khảo: ThS. Trần Quang Vũ, Giáo trình Nghiệp vụ Ngoại thương, 2020. Incoterms 2020 – Các điều kiện giao nhận trong thương mại quốc tế (Liên đoàn các hiệp hội giao nhận quốc tế FIATA). Các hiệp định thương mại quốc tế và luật lệ ngoại thương – Tài liệu tham khảo từ các cơ quan và tổ chức thương mại quốc tế như WTO, APEC, ASEAN.
49	180116014	Quản trị rủi ro	Tài liệu bắt buộc: Quản trị rủi ro Doanh nghiệp, NXB Thống kê, tập thể giảng viên bộ môn Quản trị rủi ro - Khoa QTKD trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2012. Tài liệu tham khảo: Quản trị rủi ro và bảo hiểm trong Doanh nghiệp, NXB Thống kê, PGS. TS Nguyễn Quang Thu, 2010. Quản trị rủi ro và khủng hoảng, NXB Lao động Xã hội, PGS. TS Đoàn Thị Hồng Vân, 2010.
50	180750018	AI trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Tài liệu bắt buộc: Ajay Agrawal, Joshua Gans, Avi Golodraft, (2024), AI 5.0, NXB Công thương. https://tapchicongthuong.vn/ung-dung-tri-tue-nhan-tao-trong-nganh-logistics-va-quan-ly-chuoi-cung-ung-tren-the-gioi-va-viet-nam-122497.htm Tài liệu tham khảo: https://bap-software.net/vi/knowledge/logistics-4-0-revolutionize-supply-chain-management-with-ai/ https://digital.fpt.com/chuyen-doi-so/tri-tue-nhan-tao-ai-bien-doi-hoat-dong-quan-ly-van-hanh-kho-trong-the-ky-21. https://digital.fpt.com/chuyen-doi-so/tri-tue-nhan-tao-ai-vi-toi-uu-hoa-van-hanh-chuoi-cung-ung-thong-qua-ung-dung-ai.html
51	180115130	Marketing xanh	Tài liệu bắt buộc: Nguyễn Thị Hồng Nguyệt. Giáo trình Marketing xanh.NXB, Tài chính, 2023..

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tài liệu học tập
			Tài liệu tham khảo: Robert Dahlstrom, Green Marketing Management, Cengage learning, 2010. Jacquelyna A. Ottman, The new rules of green marketing, Berrett-Koehler Pulishers, 2010. Trần Nguyễn Khánh Hải và Nguyễn Thị Hồng Nguyệt, Sách tham khảo: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp theo định hướng khách hàng trong kinh doanh thời hiện đại. NXB: Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2021. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt và Trần Nguyễn Khánh Hải, Sách chuyên khảo: Chất lượng mối quan hệ thương hiệu - khách hàng trong thị trường tiêu dùng tại Việt Nam. NXB: Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2021.
52	180115037	Thực tập tốt nghiệp	Tài liệu bắt buộc: Tài liệu giảng viên cung cấp/ hướng dẫn, giới thiệu tùy vào đề tài của sinh viên lựa chọn. Tài liệu tham khảo: Các tài liệu liên quan đến chủ đề của sinh viên lựa chọn.
53	180115038	Khóa luận tốt nghiệp	Tài liệu chính: - Quy định về thực hiện Khoá luận Tốt nghiệp đối với sinh viên hệ đại học chính quy (ban hành kèm theo QĐ số 808/QĐ-TĐHTPHCM ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Hiệu Trường Trường Đại học Tài Nguyên và Môi Trường TP. HCM); - Đề cương học phần khoá luận tốt nghiệp ngành TNTN; - Hướng dẫn viết chuyên đề khóa luận tốt nghiệp ngành KTTN Tài liệu môn học có liên quan; - Dữ liệu thu thập tại đơn vị thực tập theo hướng dẫn chuyên viên các đơn vị Tài liệu tham khảo Các tài liệu học tập có liên quan đến từng đề tài cụ thể.

3.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên 1	Họ và tên giảng viên 2	Khoa/ Bộ môn quản lý
1	121115010	Triết học Mác - Lênin	3	TS.GVC. Nguyễn Thị Hồng Hoa	TS. Hồ Ngọc Vinh	Khoa Luật và Lý luận chính trị
2	121115011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	ThS. Nguyễn Thị Ngọc	TS.GVC. Nguyễn Thị Hồng Hoa	Khoa Luật và Lý luận chính trị
3	121115012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	ThS. Trần Thị Liên	ThS. Lê Thị Thanh Thúy	Khoa Luật và Lý luận chính trị

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên 1	Họ và tên giảng viên 2	Khoa/ Bộ môn quản lý
4	121115013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	TS. Đinh Thị Kim Lan	ThS. Võ Thị Hồng Hiếu	Khoa Luật và Lý luận chính trị
5	121115014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	ThS. Võ Thị Hồng Hiếu	TS. Đinh Thị Kim Lan	Khoa Luật và Lý luận chính trị
6	121115015	Pháp luật đại cương	2	ThS. Võ Đình Quyên Di	ThS. Vũ Thị Hạnh Thu	Khoa Luật và Lý luận chính trị
7	180215999	Kinh tế học bền vững	2	ThS. Nguyễn Châu Thoại	ThS. Sử Thị Oanh Hoa	Khoa Kinh tế
8	180750001	Logistics xanh	2	TS. Đặng Bắc Hải	ThS. Sử Thị Oanh Hoa	Khoa Kinh tế
9	180215041	Kinh tế biến đổi khí hậu	2	ThS. Sử Thị Oanh Hoa	ThS. Nguyễn Châu Thoại	Khoa Kinh tế
10	111115008	Toán cao cấp 1	2	ThS. Trần Đình Thành	ThS. Dương Thị Xuân An	Khoa Khoa học ứng dụng
11	180315020	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	TS. Đặng Bắc Hải	ThS. Trần Thị Diễm Nga	Khoa Kinh tế
12	111315006	Anh văn 1	3	ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	ThS. Tô Thị Lệ	Khoa Khoa học ứng dụng
13	111315002	Anh văn 2	3	ThS. Tô Thị Lệ	ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng	Khoa Khoa học ứng dụng
14	200015001	GDTC – Đá cầu	1	ThS. Nguyễn Văn Thắng	Ths. Nguyễn Như Nam	Bộ môn GDTC – QPAN
15	200015002	GDTC – Bóng chuyền	1	Ths. Biện Hùng Vỹ	ThS. Nguyễn Văn Thắng	Bộ môn GDTC – QPAN
16	200015004	GDTC – Điền kinh	1	ThS. Nguyễn Như Nam	ThS. Biện Hùng Vỹ	Bộ môn GDTC – QPAN
17	200015003	GDTC – Cầu lông	1	ThS. Nguyễn Như Nam	ThS. Nhan Bình Phương	Bộ môn GDTC – QPAN
18	200015005	GDTC – Thể dục	1	ThS. Nguyễn Như Nam	ThS. Nguyễn Thế Thắng	Bộ môn GDTC – QPAN
19	200015006	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên 1	Họ và tên giảng viên 2	Khoa/ Bộ môn quản lý
20	180215001	Kinh tế vi mô	3	ThS. Lê Thị Xoan	ThS. Trần Huy Khôi	Khoa Kinh tế
21	180215002	Kinh tế vĩ mô	3	ThS. Nguyễn Hồng Sơn	ThS. Lê Thị Xoan	Khoa Kinh tế
22	180215005	Nguyên lý kế toán	3	ThS. Trần Thị Diễm Nga	ThS. Võ Hữu Sang	Khoa Kinh tế
23	180115007	Phân tích và dự báo kinh doanh	3	ThS. Trịnh Thị Tuyết Mai	TS. Đặng Bắc Hải	Khoa Kinh tế
24	180116138	Các nền tảng kinh doanh trực tuyến	3	ThS. Lê Quang Huê	ThS. Nguyễn Thị Bích Duyên	Khoa Kinh tế
25	180115006	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	ThS. Hồ Thị Khánh Viên	ThS. Hoàng Hải Yến	Khoa Kinh tế
26	180116003	Toán kinh tế	3	TS. Đặng Bắc Hải	TS. Võ Thị Tuyết Mai	Khoa Kinh tế
27	180750002	Kinh tế vận tải và logistics	3	TS. Vương Tấn Đức	ThS. Lê Thị Xoan	Khoa Kinh tế
28	180115096	Quản trị học	3	TS. Huỳnh Văn Hồng	ThS. Nguyễn Hoàng An	Khoa Kinh tế
29	180115021	Kỹ năng thuyết trình	2	ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh	TS. Trần Thanh Tâm	Khoa Kinh tế
30	180115029	Kỹ năng tư duy	2	TS. Trần Thanh Tâm	ThS. Nguyễn Thị Hoài Thanh	Khoa Kinh tế
31	180115025	Kỹ năng giao tiếp	2	ThS. Thành Ngọc Mỹ Duyên	ThS. Trần Thị Lệ Hoa	Khoa Kinh tế
32	180115027	Kỹ năng tìm việc	2	ThS. Thành Ngọc Mỹ Duyên	ThS. Trần Thị Lệ Hoa	Khoa Kinh tế
33	180750004	Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	ThS. Phạm Minh Khang	ThS. Phạm Thành Phước	Khoa Kinh tế
34	180750005	Khai thác vận tải	3	ThS. Phạm Thành Phước	ThS. Nguyễn Thị Đức Bình	Khoa Kinh tế

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên 1	Họ và tên giảng viên 2	Khoa/ Bộ môn quản lý
35	180750006	Quản trị kho hàng và hàng tồn kho	3	ThS. Mai Văn Chương	ThS. Nguyễn Thị Hoài Trinh	Khoa Kinh tế
36	180115077	Quản trị vận hành	3	ThS. Phạm Minh Khang	ThS. Nguyễn Minh Hiếu	Khoa Kinh tế
37	180115031	Quản trị chất lượng	3	ThS. Mai Văn Chương	ThS. Vũ Quốc Quý	Khoa Kinh tế
38	180115030	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	TS. Trần Văn Dũng	ThS. Nguyễn Thị Đức Bình	Khoa Kinh tế
39	180115170	Anh văn chuyên ngành	2	ThS. Trịnh Thị Ngọc Thúy	ThS. Nguyễn Trọng Hiếu	Khoa Kinh tế
40	180750007	An toàn và bảo hiểm vận tải	3	Ths. Nguyễn Đình Hiền	ThS. Phạm Thành Phước	Khoa Kinh tế
41	180750008	Hàng hóa vận tải	3	ThS. Trịnh Thị Ngọc Thúy	ThS. Phạm Thành Phước	Khoa Kinh tế
42	180115043	Quản trị chiến lược	3	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt	ThS. Phạm Minh Khang	Khoa Kinh tế
43	180750009	Quản trị vận tải đa phương thức	3	PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt	Ths. Phạm Minh Khang	Khoa Kinh tế
44	180750010	Thiết kế đồ án môn học Quản trị vận tải đa phương thức	3	TS. Huỳnh Văn Hồng	ThS. Hoàng Hải Yến	Khoa Kinh tế
45	180750011	Hệ thống thông tin logistics	3	ThS. Nguyễn Phan Hoài Vũ	ThS. Nguyễn Thị Đức Bình	Khoa Kinh tế
46	180750012	Quản lý chuỗi cung ứng	3	TS. Vương Tấn Đức	ThS. Phạm Thành Phước	Khoa Kinh tế
47	180115060	Quản trị logistics	3	TS. Vương Tấn Đức	ThS. Nguyễn Thị Đức Bình	Khoa Kinh tế
48	180750013	Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	3	ThS. Trịnh Thị Ngọc Thúy	ThS. Nguyễn Thị Đức Bình	Khoa Kinh tế

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên 1	Họ và tên giảng viên 2	Khoa/ Bộ môn quản lý
49	180115035	Thực hành nghề nghiệp	3	ThS. Hoàng Hải Yến	ThS. Phạm Minh Khang	Khoa Kinh tế
50	180116005	Thị trường chứng khoán	2	ThS. Nguyễn Hoàng An	ThS. Nguyễn Đình Hiếu	Khoa Kinh tế
51	180750015	Tổ chức và khai thác ga, cảng	2	ThS. Vũ Quốc Quý	ThS. Nguyễn Thị Đức Bình	Khoa Kinh tế
52	180750016	Nghiệp vụ thuế	2	ThS. Trần Thị Diễm Nga	ThS. Nguyễn Châu Thoại	Khoa Kinh tế
53	180115098	Quản trị nguồn nhân lực	2	TS. Trần Văn Dũng	ThS. Nguyễn Hoàng An	Khoa Kinh tế
54	180750017	Nghiệp vụ ngoại thương	2	ThS. Trịnh Thị Ngọc Thúy	ThS. Nguyễn Thị Đức Bình	Khoa Kinh tế
55	180116014	Quản trị rủi ro	2	ThS. Nguyễn Trọng Hiếu	ThS. Trịnh Thị Ngọc Thúy	Khoa Kinh tế
56	180750018	AI trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng	2	TS. Trần Văn Dũng	TS. Vương Tấn Đức	Khoa Kinh tế
57	180115130	Marketing xanh	2	PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt	ThS. Nguyễn Thị Bích Duyên	Khoa Kinh tế
58	180115037	Thực tập tốt nghiệp	4	Bộ môn phân công		Khoa Kinh tế
59	180115038	Khóa luận tốt nghiệp	8	Bộ môn phân công		Khoa Kinh tế

4. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, HỌC TẬP

Học tập chủ động, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng như thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tình huống... nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp, phương châm học tập suốt đời.

4.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Giảng viên giảng dạy chương trình cử nhân/kỹ sư Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:
- Nắm rõ các dạng học phần mà mình tham gia giảng dạy (học phần lý thuyết hay thực hành, học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp;
- Nắm rõ các phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học tích hợp,...);
- Hiểu rõ sinh viên trong lớp (sinh viên năm nhất, năm hai, ..., năm cuối);
- Hiểu rõ về các chính sách trong học tập;
- Giảng viên cần chuẩn bị giáo trình, bài giảng, đề cương chi tiết học phần, các slide trình chiếu, lịch trình dạy học, kế hoạch dạy học và thông báo cho sinh viên.

4.2. Các phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy - học tập của chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng học được thực hiện theo các định hướng sau đây:

a) Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên; tránh áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung bồi dưỡng năng lực tự chủ và tự học để sinh viên có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn tri thức, tiếp tục phát triển các phẩm chất, năng lực sau khi tốt nghiệp.

b) Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn; khuyến khích và tạo điều kiện cho sinh viên được trải nghiệm, sáng tạo trên cơ sở tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động học tập, tìm tòi, khám phá, vận dụng.

c) Vận dụng các phương pháp dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng sinh viên và điều kiện cụ thể. Tùy theo yêu cầu cần đạt, giảng viên có thể sử dụng phối hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau.

Các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại, ...) được sử dụng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên. Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đề cao vai trò chủ thể học tập của sinh viên (dạy học thực hành, dạy học nêu và giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án, dạy học theo trải nghiệm, khám phá, dạy học bằng tình huống, ... với những kỹ thuật dạy học phù hợp).

d) Các hình thức tổ chức dạy học được thực hiện một cách đa dạng và linh hoạt; kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở giảng đường, học theo dự án học tập, tự học, ... Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học. Coi trọng các nguồn học liệu là giáo trình chính và tài liệu tham khảo thêm đã được giảng viên trang bị; cần khai thác triệt để những lợi thế của công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học trên các phương tiện kho tri thức - đa phương tiện, tăng cường sử dụng các tư liệu điện tử.

Các phương pháp giảng dạy tích cực:

- Phương pháp thuyết trình: giúp sinh viên đạt CĐR về hiểu được các kiến thức chuyên

môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kĩ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...

- Phương pháp động não: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy sáng tạo và giải pháp và đề xuất;

- Phương pháp Suy nghĩ – Từng cặp – Chia sẻ: giúp đạt được chuẩn đầu ra về cấu trúc giao tiếp; tư duy suy xét, phản biện;

- Phương pháp học dựa trên vấn đề: giúp đạt được chuẩn đầu ra về xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phân xét, cân bằng trong hướng giải quyết;

- Phương pháp hoạt động nhóm: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

- Phương pháp đóng vai: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy suy xét, phản biện, nhận biết về kiến thức, kỹ năng và thái độ cá nhân của bản thân;

- Phương pháp học dựa vào dự án: giúp đạt được chuẩn đầu ra về lập giả thuyết, kỹ năng thiết kế các công trình xử lý môi trường, triển khai, kỹ năng giao tiếp bằng viết, kỹ năng thuyết trình;

- Phương pháp mô phỏng: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng mô hình hóa trong dự đoán lan truyền ô nhiễm trong môi trường; kỹ năng thử nghiệm khảo sát; giao tiếp đồ họa;

- Nghiên cứu tình huống: giúp đạt được chuẩn đầu ra về đề ra các giải pháp, ước lượng và phân tích định tính.

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (ELOs) và các phương pháp giảng dạy – học tập

(Đánh dấu X để mô tả mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (ELOs) và các phương pháp giảng dạy – học tập)

Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra (ELOs)												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
1. Phương pháp thuyết trình			X	X	X	X	X	X	X	X			
2. Phương pháp động não	X	X	X	X	X	X							
3. Phương pháp Suy nghĩ – Từng cặp – Chia sẻ											X	X	X
4. Phương pháp học dựa trên vấn đề											X	X	X
5. Phương pháp hoạt động nhóm			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
6. Phương pháp đóng vai									X	X			
7. Phương pháp học dựa vào dự án				X	X						X	X	X

Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra (ELOs)												
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
8. Phương pháp mô phỏng			x	x	x	x							
9. Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x							

4.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh cho tốt hơn, và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan.
- Có nhiều hình thức giúp đỡ hỗ trợ sinh viên yếu trong việc học, đồng thời tăng cường thời gian làm bài tập, thực hành, thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.
- Mỗi học kỳ, các bộ môn, khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực giảng dạy của giảng viên.
- Các học phần của chương trình đào tạo đều được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, tâm, đức, trách nhiệm của giảng viên phụ trách học phần.

5. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

5.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức Giáo dục đại cương	23	2
2	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	27	4
2.2	Kiến thức ngành	26	
2.3	Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	24	8
2.4	Thực tập và đồ án/khóa luận tốt nghiệp	12	
Tổng cộng (*)		112	14
		126	

Ghi chú: (*)Không kể GDTC và GDQP-AN.

Mô tả vắn tắt từng khối kiến thức

a) Khối kiến thức Giáo dục đại cương:

Gồm 13 học phần (bao gồm: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật đại cương; Kinh tế học bền vững; Logistics xanh; Kinh tế biến đổi khí hậu; Toán cao cấp 1; Nguyên lý thống kê kinh tế; Anh văn 1; Anh văn 2).

b) Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Bao gồm khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức ngành

- Khối kiến thức cơ sở ngành gồm 11 học phần trong đó có 9 học phần bắt buộc (bao

gồm: Kinh tế vi mô; Kinh tế vĩ mô; Nguyên lý kế toán; Phân tích và dự báo kinh doanh; Các nền tảng kinh doanh trực tuyến; Quản trị tài chính doanh nghiệp; Toán kinh tế; Kinh tế vận tải và logistics; Quản trị học), 2 học phần tự chọn trong 4 học phần (bao gồm: Kỹ thuật thuyết trình; Kỹ năng tư duy; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng tìm việc).

- Khối kiến thức ngành gồm 9 học phần bắt buộc (bao gồm: Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Khai thác vận tải; Quản trị kho hàng và hàng tồn kho; Quản trị vận hành; Quản trị chất lượng; Quản trị kinh doanh quốc tế; Anh văn chuyên ngành; An toàn và bảo hiểm vận tải; Hàng hóa vận tải).

- Khối kiến thức chuyên ngành gồm 12 học phần trong đó có 8 học phần bắt buộc (bao gồm: Quản trị chiến lược; Quản trị vận tải đa phương thức; Thiết kế đồ án môn học Quản trị vận tải đa phương thức; Hệ thống thông tin logistics; Quản lý chuỗi cung ứng; Quản trị logistics; Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Thực hành nghề nghiệp), 4 học phần tự chọn trong 8 học phần ((bao gồm: Thị trường chứng khoán; Tổ chức và khai thác ga – cảng; Nghiệp vụ thuế; Quản trị nguồn nhân lực; Nghiệp vụ ngoại thương; Quản trị rủi ro; AI trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Marketing xanh).

c) Kiến thức thực tập và đồ án / khóa luận tốt nghiệp gồm 2 học phần (bao gồm: Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp)

5.2. Ma trận quan hệ giữa các khối kiến thức và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ELOs)

(H: High – Đóng góp cao, M: Medium – Đóng góp trung bình, L: Low – Đóng góp thấp)

Khối kiến thức	Số TC	Tỷ lệ %	Chuẩn đầu ra (ELOs)												
			ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương	25	19,8	M	M							M	L	L	M	L
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	101	80,2	L				H	H	M	M	M	M			
- Khối kiến thức cơ sở ngành	31	24,6		M	L	M	M				M	M	M	M	M
- Kiến thức ngành	26	20,6	L	L	M			H		M	M	H	H		
- Kiến thức chuyên ngành	32	25,4	L	M	H	H		M	H	M	H	H	H		
- Thực tập và đồ án/khóa luận tốt nghiệp	12	9,5			M		H	H	M	H	H	M			

5.3. Danh sách các học phần trong chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT: Lý thuyết;

- TH, BT, TT, ĐA, BTL: Thực hành, Bài tập, Thực tập, Đồ án, Bài tập lớn

Ghi chú: (*) Không kể GDTC và GDQP-AN.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương				36						
1.1.	Lý luận chính trị				11						
1	121115010	Triết học Mác - Lênin	6	3	45				90		
2	121115011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	30				60		
3	121115012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	2	30				60		
4	121115013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	7	2	30				45		
5	121115014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	6	2	30				45		
1.2.	Khoa học xã hội				4						
6	121115015	Pháp luật đại cương	2	2	30				60		
7	180215999	Kinh tế học bền vững	1	2	20	10			60		Tự chọn: 2/6 TC
8	180750001	Logistics xanh	1	2	20	10			60		
9	180215041	Kinh tế biến đổi khí hậu	1	2	20	10			60		
1.3.	Khoa học tự nhiên				4						
10	111115008	Toán cao cấp 1	1	2	30				45		
11	180315020	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	2	30				45		
1.4.	Ngoại ngữ				6						
12	111315006	Anh văn 1	1	3	45				100		
13	111315002	Anh văn 2	3	3	45				100	111315006	
1.5.	Giáo dục thể chất				3						
14	200015001	GDTC – Đá cầu	1	1	3		27				Tự chọn: 2/3TC
15	200015002	GDTC – Bóng chuyền	1	1	3		27				
16	200015004	GDTC – Điền kinh	1	1	3		27				
17	200015003	GDTC – Cầu Lông	2	1	3		27				Tự chọn: 1/2TC
18	200015005	GDTC – Thể dục	2	1	3		27				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
1.6.	Giáo dục quốc phòng – An ninh			8							
19	200015006	Giáo dục quốc phòng - an ninh	2	8							
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			101							
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành			30							
2.1.1.	Bắt buộc			27							
20	180215001	Kinh tế vi mô	1	3	30	15			90		
21	180215002	Kinh tế vĩ mô	2	3	30	15			90	180215001	
22	180215005	Nguyên lý kế toán	2	3	30	15			90		
23	180115007	Phân tích và dự báo kinh doanh	3	3	30	15			90		
24	180116138	Các nền tảng kinh doanh trực tuyến	7	3	30	15			90		
25	180115006	Quản trị tài chính doanh nghiệp	6	3	30	15			90		
26	180116003	Toán kinh tế	2	3	45				90		
27	180750002	Kinh tế vận tải và logistics	4	3	30	15			90		
28	180115096	Quản trị học	3	3	30	15			90		
2.1.1.	Tự chọn		4								
29	180115021	Kỹ năng thuyết trình	1	2	20	10			30		Tự chọn: 2/4TC
30	180115029	Kỹ năng tư duy	1	2	20	10			30		
31	180115025	Kỹ năng giao tiếp	2	2	20	10			30		
32	180115027	Kỹ năng tìm việc	2	2	20	10			30		
2.2	Kiến thức ngành		26								
33	180750004	Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	1	3	30	15			90		
34	180750005	Khai thác vận tải	3	3	30	15			90		
35	180750006	Quản trị kho hàng và hàng tồn kho	5	3	30	15			60		
36	180115077	Quản trị vận hành	6	3	30	15			90		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
37	180115031	Quản trị chất lượng	7	3	30	15			90		
38	180115030	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	3	45				90		
39	180115170	Anh văn chuyên ngành	5	2	20	10			90		
40	180750007	An toàn và bảo hiểm vận tải	5	3	30	15			90		
41	180750008	Hàng hóa vận tải	4	3	30	15			60		
2.3.	Kiến thức chuyên ngành		32								
2.3.1.	Bắt buộc		24								
42	180115043	Quản trị chiến lược	5	3	30	15			90		
43	180750009	Quản trị vận tải đa phương thức	4	3	30	15			90		
44	180750010	Thiết kế đồ án môn học Quản trị vận tải đa phương thức	4	3				45			
45	180750011	Hệ thống thông tin logistics	5	3	30	15			90		
46	180750012	Quản lý chuỗi cung ứng	4	3	30	15			60		
47	180115060	Quản trị logistics	5	3	30	15			90		
48	180750013	Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	6	3	30	15			90		
49	180115035	Thực hành nghề nghiệp	6	3			90				
2.3.2	Tự chọn		8								
50	180116005	Thị trường chứng khoán	7	2	30				60		Tự chọn 8/16 TC
51	180750015	Tổ chức và khai thác ga, cảng	7	2	30				60		
52	180750016	Nghiệp vụ thuế	7	2	30				60		
53	180115098	Quản trị nguồn nhân lực	7	2	30				60		
54	180750017	Nghiệp vụ ngoại thương	7	2	30				60		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ lên lớp			Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã học phần trước	Ghi chú
					LT	BT	TH				
55	180116014	Quản trị rủi ro	7	2	30				60		
56	180750018	AI trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7	2	30				60		
57	180115130	Marketing xanh	7	2	30				60		
2.4	Thực tập và đồ án/khóa luận tốt nghiệp		12								
58	180115037	Thực tập tốt nghiệp	8	4				180			
59	180115038	Khóa luận tốt nghiệp	8	8				360			
	Tổng số tín chỉ không bao gồm GDTC và GDQP			126							
	Tổng số tín chỉ			137							

5.4. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ELOs)

Stt	Mã HP	Học phần	CHUẨN ĐẦU RA													
			Kiến thức				Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm					
			ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương															
1.1.	Lý luận chính trị															
1	121115010	Triết học Mác - Lênin	H	M	L	M					L	M	H	M		
2	121115011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	H	H	M	M					L	M	H	M		
3	121115012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H	M	L	M					L	M	H	M		
4	121115013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H	M	L	M					L	M	H	M		
5	121115014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H	M	L	M					L	M	H	M		
1.2.	Khoa học xã hội															
6	121115015	Pháp luật đại cương	M	M	H	M							M	H		
7	180215999	Kinh tế học bền vững	H	H	M	M							M	M		

Stt	Mã HP	Học phần	CHUẨN ĐẦU RA												
			Kiến thức				Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
			ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
8	180750001	Logistics xanh	H	M	L	H						M	H		
9	180215041	Kinh tế biến đổi khí hậu	H	M	L	H						M	H		
1.3. Khoa học tự nhiên															
10	111115008	Toán cao cấp 1	M	H	H	M						M	M		
11	180315020	Nguyên lý thống kê kinh tế	M	H	H	M						M	M		
1.4. Ngoại ngữ															
12	111315006	Anh văn 1					H	H	M	M			M		H
13	111315002	Anh văn 2					H	H	M	M			M		H
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp															
2.1. Kiến thức cơ sở ngành															
2.1.1. Bắt buộc															
14	180215001	Kinh tế vi mô	H	H	M	M					M	M	H		
15	180215002	Kinh tế vĩ mô	H	H	M	M					M	M	H		
16	180215005	Nguyên lý kế toán			H	H	M					M	H		
17	180115007	Phân tích và dự báo kinh doanh	H	H	M	H	H	M	M				H	M	M
18	180116138	Các nền tảng kinh doanh trực tuyến	H	M	L	H	H	M	M	L			H	M	M
19	180115006	Quản trị tài chính doanh nghiệp			H	H	M	M	L	L		M	H	H	H
20	180116003	Toán kinh tế	H	M	H	M				M	M	M	M		
21	180750002	Kinh tế vận tải và logistics	H	M	L	H	H	M	M	L	M	M	H	M	M
22	180115096	Quản trị học	H	M	L	H	H	M	M	L	M	M	H	M	M
2.1.2. Tự chọn															
23	180115021	Kỹ năng thuyết trình	M	M	H	M	H	M	H			M	H		H
24	180115029	Kỹ năng tư duy	M	M	H	M	H	M	H			M	H		H
25	180115025	Kỹ năng giao tiếp	M	M	H	M	H	M	H			M	H		H
26	180115027	Kỹ năng tìm việc	M	M	H	M	H	M	H			M	H		H
2.2 Kiến thức ngành															
27	180750004	Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	H	H	M	M					M	M	H		
28	180750005	Khai thác vận tải	H	H	M	M					M	M	H		
29	180750006	Quản trị kho hàng và hàng tồn kho			H	H	M					M	H		
30	180115077	Quản trị vận hành	H	M	L	H	H	M	M	L			H	M	M

Stt	Mã HP	Học phần	CHUẨN ĐẦU RA												
			Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
			ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
31	180115031	Quản trị chất lượng	H	M	L	H	H	M	M	L	M	M	H	M	M
32	180115030	Quản trị kinh doanh quốc tế	H	M	L	H	H	M	M	L	M	M	H	M	M
33	180115170	Anh văn chuyên ngành	H	M	L	H	H	M	M	L	M	M	H	M	M
34	180750007	An toàn và bảo hiểm vận tải	H	M	L	H	H	M	M	L	M	M	H	M	M
35	180750008	Hàng hóa vận tải	H	M	L	H	H	M	M	L	M	M	H	M	M
2.3. Kiến thức chuyên ngành															
2.3.1. Bắt buộc															
36	180115043	Quản trị chiến lược	H	H	M	H				M	M	M	H	H	M
37	180750009	Quản trị vận tải đa phương thức	H	H	M	M	M				M	M	H	H	M
38	180750010	Thiết kế đồ án môn học Quản trị vận tải đa phương thức	H	H	M	H	H	M	M				H	M	M
39	180750011	Hệ thống thông tin logistics	H	M	L	H	H	M	M	L			H	M	M
40	180750012	Quản lý chuỗi cung ứng	H	M	L	H	H	M	M	L	M	M	H	M	M
41	180115060	Quản trị logistics	H	M	L	H	H	M	M	L	M	M	H	M	M
42	180750013	Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	H	M	L	H	H	M	M	L	M	M	H	M	M
43	180115035	Thực hành nghề nghiệp	H	M	L	H	H	M	M	L	M	M	H	M	M
2.3.2. Tự chọn															
44	180116005	Thị trường chứng khoán	H	M	M	M	L	L	L		H	M	M		
45	180750015	Tổ chức và khai thác ga, cảng	H	M	M	M	L	L	L		H	M	M		
46	180750016	Nghiệp vụ thuế	H	M	M	M	L	L	L		H	M	M		
47	180115098	Quản trị nguồn nhân lực	H	M	M	M	L	L	L		H	M	M		
48	180750017	Nghiệp vụ ngoại thương	H	M	M	M	L	L	L		H	M	M		
49	180116014	Quản trị rủi ro	H	M	M	M	L	L	L		H	M	M		
50	180750018	AI trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng	H	M	M	M	L	L	L		H	M	M		

Stt	Mã HP	Học phần	CHUẨN ĐẦU RA												
			Kiến thức				Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
			ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13
51	180115130	Marketing xanh	H	M	M	M	L	L	L		H	M	M		
2.4	Thực tập và đồ án/khóa luận tốt nghiệp														
53	180115037	Thực tập tốt nghiệp	M	M	M	M	H	L	H	H	M	M	M	M	M
54	180115038	Khóa luận tốt nghiệp	M	M	M	H	H	H	H	H	M	M	M	H	H

(H: High – Đóng góp cao, M: Medium – Đóng góp trung bình, L: Low – Đóng góp thấp)

5.5. Dự kiến phân bổ học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ theo học kỳ									
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9	HK10
1	180115021	Kỹ năng thuyết trình	2									
2	180115029	Kỹ năng tư duy	2									
3	111315006	Anh văn 1	3									
4	200015002	GDTC – Bóng chuyền	1									
5	200015001	GDTC – Đá cầu	1									
6	200015004	GDTC – Điền kinh	1									
7	111115008	Toán cao cấp 1	2									
8	121115012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									
9	180215999	Kinh tế học bền vững	2									
10	180750001	Logistics xanh	2									
11	180215041	Kinh tế biến đổi khí hậu	2									
12	180750004	Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3									
13	180215001	Kinh tế vi mô	3									
14	180115025	Kỹ năng giao tiếp		2								

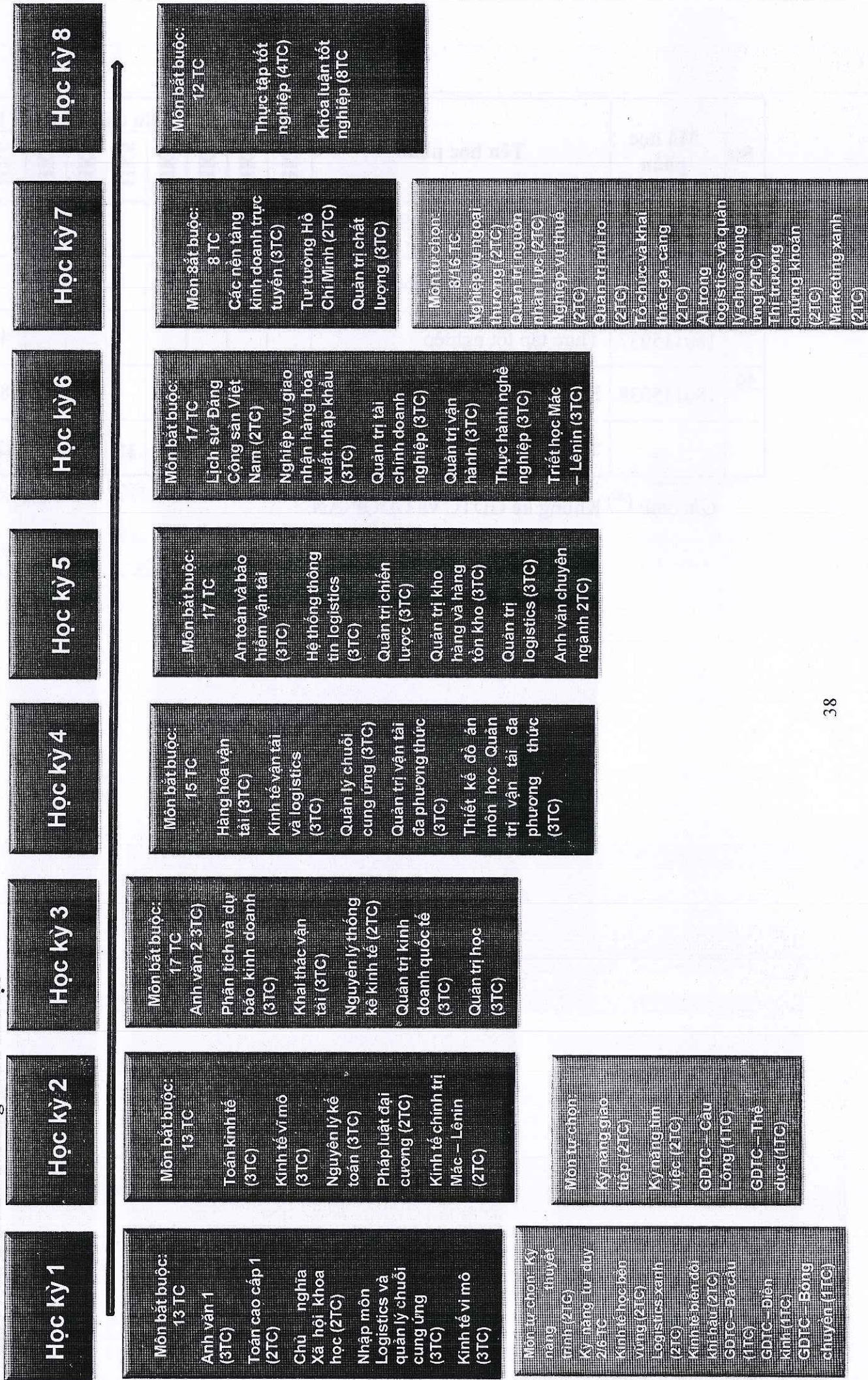
Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ theo học kỳ									
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9	HK10
15	180115027	Kỹ năng tìm việc		2								
16	200015003	GDTC – Cầu Long		1								
17	200015005	GDTC – Thẻ đục		1								
18	200015006	Giáo dục quốc phòng - an ninh		8								
19	180116003	Toán kinh tế		3								
20	180215002	Kinh tế vĩ mô		3								
21	180215005	Nguyên lý kế toán		3								
22	121115015	Pháp luật đại cương		2								
23	121115011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2								
24	111315002	Anh văn 2			3							
25	180750005	Khai thác vận tải			3							
26	180315020	Nguyên lý thống kê kinh tế			2							
27	180115007	Phân tích và dự báo kinh doanh			3							
28	180115030	Quản trị kinh doanh quốc tế			3							
29	180115096	Quản trị học			3							
30	180750008	Hàng hóa vận tải				3						
31	180750002	Kinh tế vận tải và logistics				3						
32	180750012	Quản lý chuỗi cung ứng				3						
33	180750009	Quản trị vận tải đa phương thức				3						
34	180750010	Thiết kế đồ án môn học Quản trị vận tải đa phương thức				3						
35	180750007	An toàn và bảo hiểm vận tải					3					

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ theo học kỳ									
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9	HK10
36	180750011	Hệ thống thông tin logistics					3					
37	180115043	Quản trị chiến lược					3					
38	180750006	Quản trị kho hàng và hàng tồn kho					3					
39	180115060	Quản trị logistics					3					
40	180115170	Anh văn chuyên ngành					2					
41	121115014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam						2				
42	180750013	Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu						3				
43	180115006	Quản trị tài chính doanh nghiệp						3				
44	180115077	Quản trị vận hành						3				
45	180115035	Thực hành nghề nghiệp						3				
46	121115010	Triết học Mác - Lênin						3				
47	180116138	Các nền tảng kinh doanh trực tuyến							3			
48	121115013	Tư tưởng Hồ Chí Minh							2			
49	180115031	Quản trị chất lượng							3			
50	180750017	Nghiệp vụ ngoại thương							2			
51	180115098	Quản trị nguồn nhân lực							2			
52	180750016	Nghiệp vụ thuế							2			
53	180115130	Marketing xanh							2			
54	180116014	Quản trị rủi ro							2			
55	180750015	Tổ chức và khai thác ga, cảng							2			

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ theo học kỳ									
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9	HK10
56	180750018	AI trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng							2			
57	180116005	Thị trường chứng khoán							2			
58	180115037	Thực tập tốt nghiệp								4		
59	180115038	Khóa luận tốt nghiệp								8		
		Tổng số tín chỉ (*)	17	15	17	15	17	17	16	12		

Ghi chú: (*) Không kể GDTC và GDQP-AN.

5.6. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo



5.7. Danh sách và mô tả học phần

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương				
1.1.	Lý luận chính trị				
1	121115010	Triết học Mác-Lênin	Ngoài một chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 chương bao quát nhưng nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác- Lênin.	45/0/90	
2	121115011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương bao quát những nội dung cơ bản về học thuyết giá trị, giá trị thặng dư, học thuyết kinh tế CNTB độc quyền, CNTB độc quyền nhà nước, sự mạnh giai cấp công nhân và cách mạng xã hội, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng thế giới.	30/0/60	
3	121115012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết các phạm trù, khái niệm, các quy luật chính trị - xã hội; Thực hiện đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước; Xây dựng thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn.	30/0/60	
4	121115013	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Môn tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc chung. Sau khi học xong môn học này, người học sẽ có ý thức trong việc vận dụng những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động thực tiễn. Nội dung của môn học bao gồm 8 chương trình bày những vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu của môn học và trong mỗi chương sẽ trình bày những nội dung cơ bản theo mục tiêu của từng chương.	30/0/45	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
5	121115014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần bắt buộc, được giảng dạy cuối cùng trong các học phần lý luận chính trị. Học phần cung cấp những tri thức cơ bản nhất về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần góp phần bồi dưỡng cho sinh viên về phẩm chất, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp của dân tộc. Giúp sinh viên hiểu biết về sự ra đời và lãnh đạo đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam; Thực hiện những vấn đề lịch sử, kinh tế - xã hội của đất nước; Xây dựng tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.	30/0/45	
1.2. Khoa học xã hội					
6	121115015	Pháp luật đại cương	Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự.	30/0/60	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
7	180215999	Kinh tế học bền vững	Học phần giúp sinh viên hiểu rõ các nguyên tắc và nền tảng phát triển kinh tế bền vững, bao gồm sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Sinh viên nắm vững vai trò của cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ trong việc thúc đẩy phát triển bền vững, cũng như các công cụ và chính sách pháp lý liên quan. Ngoài ra, học phần cung cấp kiến thức về các phương pháp bảo tồn tài nguyên, thiết kế sản phẩm thân thiện với môi trường và quản lý chất thải hiệu quả. Sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp kinh tế nhằm đảm bảo phát triển dài hạn mà không gây tổn hại đến hệ sinh thái và xã hội.	20/0/60	Tự chọn: 2/6 TC
8	180750001	Logistics xanh	Cung cấp kiến thức về nguyên tắc, chiến lược phát triển logistics bền vững và thân thiện với môi trường, nhấn mạnh vai trò của logistics xanh trong giảm thiểu tác động môi trường. Nội dung bao gồm quản lý chuỗi cung ứng xanh, giảm phát thải, tối ưu hóa vận chuyển, sử dụng năng lượng tái tạo và công nghệ xanh, cùng các tiêu chuẩn quốc tế và công cụ đánh giá hiệu quả. Sinh viên được trang bị kỹ năng thiết kế và quản lý giải pháp logistics xanh, góp phần bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững.	20/0/60	
9	180215041	Kinh tế biển đổi khí hậu	Trang bị kiến thức về vai trò, chức năng và trách nhiệm của nhà nước trong điều hành logistics, bao gồm chính sách, luật pháp và công cụ quản lý như lập kế hoạch, điều phối và giám sát. Nội dung tập trung vào phát triển hạ tầng, tối ưu hóa mạng lưới giao thông, ứng dụng công nghệ như ITS và SCM trong quản lý logistics. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá chính sách và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực logistics.	20/0/60	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
1.3. Khoa học tự nhiên					
10	111115008	Toán cao cấp 1	Trang bị cho sinh viên các khái niệm về tập hợp, ánh xạ, quan hệ và quan hệ thứ tự. Sinh viên nắm được các kiến thức về định thức, ma trận và lý thuyết hệ phương trình tuyến tính. Trang bị cho sinh viên khái niệm về không gian vector, hệ độc lập tuyến tính, cơ sở và số chiều không gian, ánh xạ tuyến tính và ma trận của nó, phép biến đổi tuyến tính, vector riêng và giá trị riêng. Nắm vững đường cong bậc hai và mặt bậc hai của hình học giải tích.	30/0/45	
11	180315020	Nguyên lý thống kê kinh tế	Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung. Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.	30/0/45	
1.4. Ngoại ngữ					
12	111315006	Anh văn 1	Thông qua 7 đơn vị bài học cung cấp cho sinh viên một số lượng từ vựng phong phú về các chủ điểm giáo dục, công việc, thư tín, hợp đồng. Về cú pháp cung cấp cho sinh viên cách sử dụng các loại từ loại trong tiếng Anh, câu ra lệnh, lời đề nghị, thông báo	45/0/100	
13	111315002	Anh văn 2	Đây là nội dung Tiếng Anh cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình Tiếng Anh 7 năm ở bậc trung học.	45/0/100	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
1.5. Giáo dục thể chất					
14	200015001	GDTC – Đá cầu	Vị trí tác dụng của môn đá cầu trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý kỹ thuật, luật thi đấu, các thức tổ chức, trọng tài thi đấu môn đá cầu. Kỹ thuật di chuyển, dâng cầu, chuyền cầu, phát cầu, các bài tập phát triển thể lực, biết sử dụng các phương pháp, phương tiện để vận dụng tự tập luyện ngoài giờ nâng cao sức khỏe.	3/27/0	Tự chọn: 2/3TC
15	200015002	GDTC – Bóng chuyền	Vị trí tác dụng của môn bóng chuyền trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý kỹ thuật các môn chạy thi đấu, các thức tổ chức, trọng tài thi đấu môn bóng chuyền. Kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay, thấp, tay, phát bóng, các bài tập phát triển thể lực, biết sử dụng các phương pháp, phương tiện để vận dụng tự tập luyện ngoài giờ nâng cao sức khỏe.	3/27/0	Tự chọn: 2/3TC
16	200015004	GDTC – Điền kinh	Vị trí, tác dụng của môn điền kinh trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý kỹ thuật các môn chạy, luật thi đấu môn điền kinh. Kỹ thuật cơ bản chạy cự ly ngắn, trung bình, các bài tập phát triển thể lực, biết sử dụng các phương pháp, phương tiện để vận dụng tự tập luyện ngoài giờ nâng cao sức khỏe.	3/27/0	
17	200015003	GDTC – Cầu lông	Vị trí tác dụng của môn cầu lông trong hệ thống giáo dục thể chất, nguyên lý kỹ thuật, luật thi đấu, các thức tổ chức, trọng tài thi đấu môn cầu lông. Kỹ thuật di chuyển, hất cầu, lóp cầu, đập cầu, bả nhỏ, các bài tập phát triển thể lực, biết sử dụng các phương pháp, phương tiện để vận dụng tự tập luyện ngoài giờ nâng cao sức khỏe.	3/27/0	Tự chọn: 1/2TC
18	200015005	GDTC – Thể dục	Vị trí tác dụng của môn thể dục liên hoàn, trong hệ thống giáo dục thể chất, cách phòng chống tránh thương. Bài thể dục liên hoàn 72 động tác phát triển chung, cách xây tháp và đội hình, các bài tập thể lực. các bài tập phát triển thể lực, biết sử dụng các phương pháp, phương tiện để vận	3/27/0	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			dụng tự tập luyện ngoài giờ nâng cao sức khỏe		
1.6.	Giáo dục quốc phòng – An ninh				
19	200015006	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Trang bị kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.		
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành				
2.1.1.	Bắt buộc				
20	180215001	Kinh tế vĩ mô	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.	30/0/90	
21	180215002	Kinh tế vĩ mô	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.	30/0/90	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
22	180215005	Nguyên lý kế toán	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung và việc vận dụng chúng vào doanh nghiệp: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán và lập các báo cáo kế toán tài chính, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.	30/0/90	
23	180115007	Phân tích và dự báo kinh doanh	Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng phân tích, dự báo dữ liệu kinh doanh bằng các phương pháp như phân tích xu hướng, hồi quy, chuỗi thời gian.. Sinh viên sẽ sử dụng công cụ như Excel, SPSS và R để phân tích, dự báo nhu cầu vận tải, lưu lượng hàng hóa và hiệu suất logistics, hỗ trợ ra quyết định chiến lược. Qua các dự án thực tế, sinh viên rèn luyện khả năng ứng dụng phương pháp phân tích và tối ưu hóa hoạt động trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng.	30/0/90	
24	180116138	Các nền tảng kinh doanh trực tuyến	Cung cấp kiến thức cơ bản về kinh doanh điện tử, thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, mô hình lợi nhuận, các quy trình kinh doanh, các nền tảng kinh doanh trực tuyến. Cung cấp kiến thức về bán hàng trên các nền tảng trực tuyến: Các mô hình lợi nhuận và xây dựng giao diện web; Marketing trên web; mô hình chi ến lược B2B từ EDI đến EC, các khái niệm về đấu giá, cộng đồng ảo và web portal; Các khái niệm về môi trường thương mại điện tử: các vấn đề luật pháp, đạo đức và thuế. Cung cấp các phương pháp tích hợp hoạch định kinh doanh điện tử; Các chiến lược phát triển kinh doanh điện tử; quản lý thực hiện dự án kinh doanh điện tử.	30/0/90	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
25	180115006	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm: quản lý thu chi, phân tích và dự báo tài chính, quản lý đầu tư dài hạn, quản lý tài sản dài hạn, quản lý nguồn vốn, chi phí vốn,...	30/0/90	
26	180116003	Toán kinh tế	Trang bị cho sinh viên các vấn đề về lý thuyết, chuẩn bị cho những tiết thực hành trên máy tính có hiệu quả, là cơ sở quan trọng cho người học tiếp cận các môn học chuyên ngành kinh tế. Trang bị cho sinh viên khả năng ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế và quản trị logistics với các ví dụ gần gũi với thực tế.	45/0/90	
27	180750002	Kinh tế vận tải và logistics	Cung cấp kiến thức về vai trò, chức năng và các nguyên lý kinh tế áp dụng trong vận tải và logistics, bao gồm đặc điểm các phương thức vận tải, cấu trúc chi phí, giá cả, cầu – cung và thị trường vận tải. Sinh viên sẽ tìm hiểu cách tối ưu hóa hoạt động logistics như quản lý kho bãi, phân phối, vận chuyển, cùng với các xu hướng mới như công nghệ số, logistics xanh và vận tải bền vững. Ngoài ra, học phần còn trang bị hiểu biết về khung pháp lý, chính sách kinh tế và tác động của hội nhập quốc tế, giúp sinh viên ứng dụng hiệu quả vào quản lý và ra quyết định trong lĩnh vực này.	30/0/90	
28	180115096	Quản trị học	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị; nhà quản trị; môi trường quản trị; các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc/điều hành và kiểm tra/kiểm soát. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới/thay đổi, quản trị xung đột, quản trị sự rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.	30/0/90	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
2.1.2. Tự chọn					
29	180115021	Kỹ năng thuyết trình	Môn học trang bị kiến thức giúp cho học viên có được kiến thức và kỹ năng cơ bản về thuyết trình, kỹ năng báo cáo và những công cụ quan trọng để rèn luyện và nâng cao kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh. Học phần cung cấp những lý thuyết cơ bản về tổng quan về hoạt động nhóm, các cơ sở khoa học – nghiên cứu lý thuyết đã có về hoạt động của nhóm, các bước cụ thể để xây dựng nhóm công tác và một số kỹ thuật điều hành hoạt động nhóm. học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng nhất định để nhiều người cùng thực hiện tốt một nhiệm vụ và hướng đến mục tiêu chung. Cách làm việc này sẽ giúp các cá nhân bổ sung những thiếu sót cho nhau và hoàn thiện bản thân mình. Mỗi cá nhân cần phải luyện cho mình những kỹ năng làm việc nhóm cần thiết để xây dựng nhóm hoàn thiện, gắn kết hơn trong bất kỳ hoàn cảnh nào.	20/0/30	Tự chọn: 2/4TC
30	180115029	Kỹ năng tư duy	Môn học giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức về: Tư duy sáng tạo: Đây là khả năng nhìn thấy một vấn đề và đưa ra những ý tưởng và giải pháp hữu ích để đối phó với nó một cách tổng thể. Tư duy phản biện: Đó là khả năng nhìn và đánh giá sự việc, sự việc một cách tổng thể, để đưa ra những câu hỏi thích hợp nhằm hiểu đúng bản chất của vấn đề, thay vì chấp nhận nó một cách vội vàng. Tư duy logic: Nó là hoạt động suy luận, đánh giá một vấn đề cụ thể để đạt được một mục tiêu mong muốn. Tư duy quản lý: Thực tế, tư duy quản lý không chỉ người lãnh đạo cần mà tất cả mọi người đều cần. Tư duy tích cực: Đó là một cách để phát triển các kỹ năng suy nghĩ tích cực, để nhìn ra mặt sáng của vấn đề và có thêm động lực cũng như sự lạc quan để bước tiếp.	20/0/30	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
31	180115025	Kỹ năng giao tiếp	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về giao tiếp như: Khái quát chung về giao tiếp (Khái niệm, các chức năng của giao tiếp, quá trình giao tiếp, phân loại giao tiếp,...), các phương tiện giao tiếp (giao tiếp phi ngôn ngữ và giao tiếp ngôn ngữ), các kỹ năng giao tiếp cơ bản (Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói và đặt câu hỏi, kỹ năng khen - phê bình...), giao tiếp liên văn hóa (các vấn đề của giao tiếp liên văn hóa, văn hóa giao tiếp của người Việt Nam và một số nước trên thế giới...). Đây là môn học giúp sinh viên hoàn thiện hơn về kỹ năng giao tiếp. Đồng thời cũng là một trong những bước đệm quan trọng đưa các em đến gần hơn với thành công.	20/0/30	Tự chọn: 2/4TC
32	180115027	Kỹ năng tìm việc	Học phần Kỹ năng tìm việc có sự kết hợp và vận dụng các kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp vào quá trình tìm kiếm, đạt được công việc phù hợp. Học phần giúp sinh viên khái quát được tiến trình tìm kiếm một công việc mong đợi, phù hợp với năng lực và tính cách của bản thân. Từ đó, sinh viên xây dựng được kế hoạch, làm chủ thời gian, nắm bắt các cơ hội việc làm. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng chuẩn bị và cách thức gửi hồ sơ tìm việc nhằm tạo ấn tượng với nhà tuyển dụng, đặc biệt, trang bị những kỹ năng cần thiết để sinh viên tự tin tham gia buổi phỏng vấn: kỹ năng chuẩn bị trước khi tham gia phỏng vấn, kỹ năng trả lời phỏng vấn hiệu quả, kỹ năng đặt câu hỏi.	20/0/30	
2.2	Kiến thức ngành				
34	180750005	Khai thác vận tải	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về tổ chức, quản lý và tối ưu hóa các hoạt động vận tải trong chuỗi logistics. Nội dung bao gồm các phương thức vận tải chính (đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không, và vận tải đa phương thức), cách khai thác hiệu quả các phương tiện và cơ sở hạ tầng vận tải, cùng với các giải	30/0/90	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			pháp nâng cao hiệu suất vận chuyển. Sinh viên sẽ học về lập kế hoạch, định tuyến, quản lý chi phí, và ứng dụng công nghệ trong vận tải. Học phần hướng đến mục tiêu phát triển kỹ năng phân tích và quản lý để sinh viên có thể đáp ứng yêu cầu thực tế của ngành vận tải và logistics		
35	180750006	Quản trị kho hàng và hàng tồn kho	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý hiệu quả kho hàng và hàng tồn kho trong chuỗi cung ứng. Nội dung bao gồm thiết kế và vận hành hệ thống kho bãi, ứng dụng công nghệ nhận diện như Bar Code và RFID, và quản lý các quy trình nhập, xuất, sắp xếp, lấy hàng, cùng tối ưu hóa lộ trình di chuyển. Sinh viên cũng được học về các phương pháp kiểm soát hàng tồn kho, lập kế hoạch dự trữ và duy trì mức tồn kho tối ưu nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh. Đồng thời, học phần chú trọng các biện pháp bảo quản hàng hóa và đánh giá hiệu quả quản lý thông qua các chỉ số cụ thể, giúp nâng cao hiệu suất hoạt động logistics và chuỗi cung ứng.	30/0/60	
36	180115077	Quản trị vận hành	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và công cụ trong việc thiết kế, thực hiện và cải tiến quản trị vận hành của các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cốt lõi về quản trị vận hành bao gồm thiết kế sản phẩm, dịch vụ và lựa chọn quy trình vận hành; các phương pháp bố trí mặt bằng sản xuất và kinh doanh dịch vụ, các phương pháp và nội dung của điều độ quy trình vận hành, kiến thức và ứng dụng lý thuyết xếp hàng trong kinh doanh dịch vụ.	30/0/90	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
37	180115031	Quản trị chất lượng	Học phần trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản, hiện đại về chất lượng (bao gồm sản phẩm, dịch vụ, hoạt động quản lý) và quản lý chất lượng trong các tổ chức. Để thực hiện mục tiêu đó môn học bao gồm những nội dung chủ yếu như: Các quan niệm chất lượng sản phẩm, dịch vụ trong nền kinh tế thị trường hiện đại và ảnh hưởng của chúng đến khả năng thỏa mãn khách hàng. Quá trình phát triển của quản lý chất lượng ; Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và dịch vụ; Cách thức đo lường đánh giá chi phí chất lượng của các công ty góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng mức thỏa mãn khách hàng và giảm các lãng phí không cần thiết; Mối quan hệ giữa chất lượng với năng suất và sức cạnh tranh; Kiểm tra và đánh giá chất lượng ; các công cụ thống kê sử dụng trong quản lý chất lượng; Hệ thống các tiêu chí đánh giá chất lượng sản phẩm; Các hệ thống quản lý chất lượng.	30/0/90	
38	180115030	Quản trị kinh doanh quốc tế	Sinh viên sẽ được trang bị cho mình những kiến thức có bản về kinh doanh quốc tế, động cơ tiến hành hoạt động kinh doanh quốc tế. Tác động của toàn cầu hóa và các yếu tố thuộc môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, địa lý kinh tế, nhân khẩu học tới hoạt động kinh doanh quốc tế, các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế, chiến lược kinh doanh quốc tế và cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế.	45/0/90	
39	180115170	Anh văn chuyên ngành	Sinh viên sẽ được trang bị cho mình những kiến thức có bản về kinh doanh quốc tế, động cơ tiến hành hoạt động kinh doanh quốc tế. Tác động của toàn cầu hóa và các yếu tố thuộc môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, địa lý kinh tế, nhân khẩu học tới hoạt động kinh doanh quốc tế, các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế, chiến	20/0/90	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			lược kinh doanh quốc tế và cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế		
40	180750007	An toàn và bảo hiểm vận tải	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn trong hoạt động vận tải và các nguyên tắc, quy định liên quan đến bảo hiểm vận tải. Nội dung bao gồm nhận diện, đánh giá và kiểm soát các rủi ro trong vận tải đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không và vận tải đa phương thức. Sinh viên sẽ tìm hiểu các quy định pháp luật về an toàn giao thông và vận tải, cùng với các loại hình bảo hiểm vận tải như bảo hiểm hàng hóa, phương tiện và trách nhiệm dân sự. Học phần cũng tập trung vào kỹ năng phân tích tình huống, lập kế hoạch và triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động vận tải trong chuỗi cung ứng.	30/0/90	
41	180750008	Hàng hóa vận tải	Trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc điểm, phân loại và yêu cầu vận chuyển của các loại hàng hóa trong hoạt động logistics và chuỗi cung ứng. Nội dung bao gồm các nguyên tắc đóng gói, xếp dỡ, bảo quản và vận chuyển hàng hóa theo từng phương thức vận tải (đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không và vận tải đa phương thức). Sinh viên sẽ được học về các quy định pháp luật liên quan, tiêu chuẩn an toàn và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển. Đồng thời, học phần còn tập trung vào việc tối ưu hóa quy trình vận chuyển và đảm bảo hàng hóa được giao nhận đúng thời gian, đúng chất lượng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động logistics và chuỗi cung ứng.	30/0/60	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
2.3.	Kiến thức chuyên ngành				
2.3.1.	Bắt buộc				
42	180115043	Quản trị chiến lược	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.	30/0/90	
43	180750009	Quản trị vận tải đa phương thức	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng quản lý hiệu quả các hoạt động vận tải kết hợp nhiều phương thức khác nhau như đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không và đường thủy nội địa. Nội dung học phần bao gồm tổ chức, điều phối và tối ưu hóa các tuyến vận chuyển, lập kế hoạch chuỗi hành trình, và lựa chọn phương thức vận tải phù hợp dựa trên chi phí, thời gian và tính hiệu quả. Sinh viên sẽ	30/0/90	
44	180750010	Thiết kế đồ án môn học Quản trị vận tải đa phương thức	Học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng và phương pháp thực hiện dự án thực tế trong lĩnh vực vận tải đa phương thức và logistics. Nội dung bao gồm quy trình nghiên cứu khoa học, xây dựng đề cương, thu thập và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả, cùng với lập kế hoạch và triển khai dự án. Sinh viên sẽ áp dụng kiến thức lý thuyết để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh vận tải đa phương thức và logistics, đề xuất giải pháp cải tiến, đồng thời phát triển kỹ năng làm việc nhóm, quản lý thời gian và giao tiếp. Mục tiêu là giúp sinh viên tự tin thực hiện các dự án nghiên cứu và ứng dụng trong thực tế.	0/0/0	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
45	180750011	Hệ thống thông tin logistics	Trang bị cho sinh viên kiến thức về vai trò, cấu trúc và ứng dụng của các hệ thống thông tin trong quản lý logistics và chuỗi cung ứng. Nội dung bao gồm cách thu thập, xử lý, lưu trữ và phân tích dữ liệu để hỗ trợ các hoạt động như quản lý kho, vận tải, đơn hàng và theo dõi hàng hóa. Sinh viên sẽ học cách sử dụng các công cụ công nghệ như phần mềm quản lý logistics (TMS, WMS) và ứng dụng công nghệ hiện đại như RFID, GPS, và IoT để tối ưu hóa hiệu quả và nâng cao khả năng ra quyết định. Mục tiêu là giúp sinh viên hiểu và vận dụng hệ thống thông tin vào thực tiễn logistics, từ đó nâng cao hiệu quả vận hành và khả năng cạnh tranh trong chuỗi cung ứng.	30/0/90	
46	180750012	Quản lý chuỗi cung ứng	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về thiết kế, vận hành và tối ưu hóa các hoạt động trong chuỗi cung ứng, từ lập kế hoạch, thu mua, sản xuất, quản lý kho, vận chuyển đến phân phối sản phẩm. Nội dung tập trung vào quản lý mối quan hệ giữa các đối tác trong chuỗi cung ứng, tối ưu hóa dòng chảy hàng hóa, thông tin và tài chính, cùng với việc ứng dụng các công nghệ như ERP, SCM và IoT. Sinh viên sẽ học cách đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng, giải quyết các vấn đề thực tiễn và đề xuất các giải pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu suất, giảm chi phí và tăng cường khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh doanh toàn cầu.	30/0/60	
47	180115060	Quản trị logistics	Quản trị logistics là môn học nghiên cứu các hoạt động tổ chức, xây dựng, và quản lý hoạt động cung ứng vật tư, hàng hoá trong doanh nghiệp. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục	30/0/90	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý chuỗi logistics trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.		
48	180750013	Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về quy trình và nghiệp vụ giao nhận trong hoạt động thương mại quốc tế. Nội dung bao gồm tìm hiểu các loại chứng từ xuất nhập khẩu, quy định hải quan, các điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms), và cách lựa chọn phương thức vận tải phù hợp. Sinh viên sẽ được học cách lập và kiểm tra bộ chứng từ, quy trình khai báo hải quan, xử lý thủ tục giao nhận hàng tại cảng, cũng như phối hợp với các bên liên quan như nhà vận tải, hãng tàu và đơn vị bảo hiểm. Mục tiêu là giúp sinh viên nắm vững các nghiệp vụ thực tiễn, nâng cao khả năng tổ chức và xử lý hiệu quả các hoạt động giao nhận trong xuất nhập khẩu.	30/0/90	
49	180115035	Thực hành nghề nghiệp	Nhằm giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Sinh viên sẽ được tham gia trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp logistics, cảng biển, kho bãi, hoặc các tổ chức liên quan, từ đó hiểu rõ hơn về quy trình vận hành, quản lý kho, giao nhận hàng hóa, vận tải và các hoạt động chuỗi cung ứng. Học phần tập trung vào việc rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, quản lý thời gian và giao tiếp trong môi trường doanh nghiệp. Mục tiêu là giúp sinh viên củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng nghề nghiệp và xây dựng sự tự tin để sẵn sàng làm việc sau khi tốt nghiệp	0/90/0	
2.3.2 Tự chọn					
			Học phần đào tạo sinh viên 4 nghiệp vụ chính về chứng khoán: (i) Môi giới chứng khoán, hướng dẫn sinh viên những kỹ năng cần thiết, khả năng giao tiếp; (ii) Nghiệp vụ tư vấn chứng khoán; (iii) Nghiệp vụ, phát hành chứng khoán, một công ty muốn		

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
50	180116005	Thị trường chứng khoán	phát hành chứng khoán thường phải nhờ đến dịch vụ phát hành chứng khoán của những công ty chuyên nghiệp để phát hành, do đó sinh viên được đào tạo để có thể đứng ra bảo lãnh phát hành cho những công ty này.(iv) Nghiệp vụ tự doanh, sinh viên được học về đầu tư chứng khoán. Mỗi nghiệp vụ sinh viên đều phải đi thực tế ở các công ty chuyên về chứng khoán.	30/0/60	Tự chọn 8/16 TC
51	180750015	Tổ chức và khai thác ga, cảng	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về tổ chức, vận hành và quản lý hoạt động tại các ga và cảng trong chuỗi logistics. Nội dung bao gồm cấu trúc, chức năng và vai trò của ga, cảng trong hệ thống vận tải, quy trình khai thác hàng hóa, hành khách, và các phương thức xếp dỡ, lưu kho tại cảng. Sinh viên sẽ học cách tối ưu hóa dòng chảy hàng hóa và phương tiện, quản lý cơ sở hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cảng và ga (như TOS Terminal Operating System). Ngoài ra, học phần cũng tập trung vào các quy định pháp luật, an toàn và bảo vệ môi trường, giúp sinh viên nâng cao năng lực tổ chức và vận hành hiệu quả trong lĩnh vực ga, cảng	30/0/60	
52	180750016	Nghiệp vụ thuế	Sinh viên sẽ nắm vững hệ thống thuế tại Việt Nam, bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân (TNCN), thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác. Sinh viên có khả năng phân tích, tính toán, kê khai và quyết toán thuế theo quy định pháp luật, đồng thời hiểu rõ tác động của thuế đối với hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phân tích và sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế, góp phần nâng cao năng lực quản lý tài chính và tuân thủ nghĩa vụ thuế trong doanh nghiệp.	30/0/60	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
53	180115098	Quản trị nguồn nhân lực	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thù lao và các phúc lợi cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan	30/0/60	
54	180750017	Nghiệp vụ ngoại thương	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết trong hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh quốc tế. Nội dung bao gồm các khái niệm cơ bản về thương mại quốc tế, quy trình thực hiện hợp đồng ngoại thương, các điều kiện giao hàng theo Incoterms, phương thức thanh toán quốc tế (L/C, T/T, D/P...), và thủ tục hải quan. Sinh viên sẽ học cách soạn thảo, kiểm tra hợp đồng, xử lý chứng từ thương mại, bảo hiểm hàng hóa, và giải quyết tranh chấp trong giao dịch quốc tế. Mục tiêu là giúp sinh viên hiểu và thực hiện thành thạo các nghiệp vụ ngoại thương, đáp ứng yêu cầu thực tế của hoạt động kinh doanh toàn cầu.	30/0/60	
55	180116014	Quản trị rủi ro	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nhận diện, phân tích và quản lý các rủi ro có thể xảy ra trong các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng. Nội dung bao gồm các loại rủi ro như rủi ro vận tải, lưu kho, nguồn cung, nhu cầu, và rủi ro tài chính, cùng với các công cụ và phương pháp phòng ngừa, giảm thiểu hoặc ứng phó rủi ro. Sinh viên sẽ được học cách lập kế hoạch quản lý rủi ro, đánh giá hiệu quả các biện pháp kiểm soát, và ứng dụng công nghệ để theo dõi và giảm thiểu tác động của rủi ro trong chuỗi cung ứng. Học phần giúp sinh viên phát triển khả năng quản lý rủi ro toàn diện nhằm đảm bảo sự ổn định, hiệu quả và bền vững cho các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng trong thực tế	30/0/60	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
56	180750018	AI trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Trang bị cho sinh viên kiến thức về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc tối ưu hóa các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Nội dung bao gồm cách sử dụng AI để dự báo nhu cầu, tối ưu hóa lộ trình vận tải, quản lý hàng tồn kho, và nâng cao hiệu quả vận hành kho bãi. Sinh viên sẽ được tìm hiểu các công nghệ như học máy (Machine Learning), xử lý dữ liệu lớn (Big Data), và hệ thống tự động hóa để phân tích, dự đoán và ra quyết định nhanh chóng. Học phần hướng đến việc giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của AI trong đổi mới ngành logistics, từ đó áp dụng hiệu quả vào thực tiễn để nâng cao hiệu suất và tính cạnh tranh của chuỗi cung ứng.	30/0/60	
57	180115130	Marketing xanh	Môn học này là giúp cho sinh viên: Làm quen với các khái niệm mới trong Marketing; Nhận thức được tầm quan trọng của Marketing xanh trong hoạt động kinh doanh và trong quá trình phát triển kinh tế xã hội; Nắm được những khái niệm căn bản nhất liên quan đến Marketing xanh; Hiểu rõ được sự tương tác giữa tiêu dùng và môi trường. Biết cách khám phá ra nhu cầu xanh của khách hàng, từ đó, xây dựng kế hoạch marketing xanh cho doanh nghiệp, và cuối cùng là chuyển giao các giá trị cho khách hàng và cộng đồng	30/0/60	
2.4	Thực tập và đồ án/khóa luận tốt nghiệp				
58	180115037	Thực tập tốt nghiệp	Piúp sinh viên áp dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn tại các doanh nghiệp hoặc tổ chức trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Trong quá trình thực tập, sinh viên sẽ tham gia vào các hoạt động thực tế như quản lý kho bãi, vận tải, giao nhận, lập kế hoạch chuỗi cung ứng hoặc tối ưu hóa quy trình logistics. Học phần tập trung vào việc rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tư duy phân tích và kỹ năng giao tiếp trong môi trường chuyên nghiệp. Mục tiêu là giúp sinh	0/0/0	

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Nội dung cần đạt được từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
			viên tích lũy kinh nghiệm thực tế, nâng cao năng lực nghề nghiệp và chuẩn bị sẵn sàng cho công việc sau khi tốt nghiệp.		
59	180115038	Khóa luận tốt nghiệp	"Khóa luận tốt nghiệp" là cơ hội để sinh viên tổng hợp và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào việc nghiên cứu và giải quyết một vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Sinh viên sẽ thực hiện một đề tài nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, bao gồm các bước: xác định vấn đề, xây dựng đề cương, thu thập và phân tích dữ liệu, đề xuất giải pháp và viết báo cáo khoa học. Khóa luận đòi hỏi sinh viên phát triển tư duy độc lập, kỹ năng nghiên cứu, phân tích và trình bày một cách chuyên nghiệp. Mục tiêu là giúp sinh viên không chỉ củng cố kiến thức chuyên môn mà còn chuẩn bị nền tảng vững chắc cho công việc thực tế hoặc nghiên cứu sâu hơn trong tương lai.	0/0/0	

5.8. So sánh chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh được đối sánh với các chương trình đào tạo cùng ngành tại các trường đại học trong và ngoài nước. Việc so sánh này nhằm đánh giá, cải tiến và phát triển chương trình, đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với xu hướng giáo dục hiện đại. Trong nước, chương trình được so sánh với các trường như Trường Đại học Tài Nguyên Và Môi Trường Hà Nội và Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh. Ở tầm quốc tế, chương trình tham khảo từ các mô hình đào tạo tiên tiến như chương trình đào tạo của trường đại học Embry-Riddle Aeronautical và Trường đại học Doha.

Bảng so sánh chương trình đào tạo trong nước

Khối kiến thức	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh			Trường Đại Học Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội			Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh		
	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tỷ lệ %	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tỷ lệ %	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tỷ lệ %
Kiến thức giáo dục đại cương	23	2	19,8	21	8	23,8	23	15	30,4
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	89	12	80,2	54	39	76,2	46	41	69,6
Kiến thức cơ sở ngành	27	4	23,8	9	6	12,3	9	0	7,2
Kiến thức ngành	26		21,4	35	15	41,0	15	17	25,6

Khối kiến thức	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh			Trường Đại Học Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội			Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh		
	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tỷ lệ %	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tỷ lệ %	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tỷ lệ %
Kiến thức chuyên ngành	24	8	25,4		18	14,8	15	18	26,4
Kiến thức tốt nghiệp	12		9,5	10		8,2	7	6	10,4
Tổng	112	14	100,0	75	47	100,0	69	56	100,0
Tổng cộng	126			122			125		

Nhận xét:

Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh bao gồm 126 tín chỉ, trong đó 112 tín chỉ bắt buộc (chiếm 89,6%) và 14 tín chỉ tự chọn (chiếm 11,2%). Chương trình chú trọng cung cấp kiến thức chuyên sâu qua các khối kiến thức cơ sở ngành (27 tín chỉ) và kiến thức ngành (26 tín chỉ). Tỷ lệ tín chỉ bắt buộc cao cho thấy chương trình tập trung đảm bảo nền tảng vững chắc cho sinh viên trong lĩnh vực chuyên môn.

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội với tổng số 122 tín chỉ, bao gồm 75 tín chỉ bắt buộc (61,5%) và 47 tín chỉ tự chọn (38,5%). Chương trình này linh hoạt hơn với các khối kiến thức tự chọn phong phú, gồm đại cương (8 tín chỉ), ngành (15 tín chỉ) và chuyên ngành (18 tín chỉ). Sự đa dạng về tín chỉ tự chọn tạo điều kiện cho sinh viên tự do lựa chọn các môn học phù hợp với định hướng cá nhân.

Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh có tổng cộng 125 tín chỉ, trong đó 69 tín chỉ bắt buộc (55,2%) và 56 tín chỉ tự chọn (44,8%). Đây là chương trình có tỷ lệ tín chỉ tự chọn cao nhất, đặc biệt ở các khối kiến thức đại cương (15 tín chỉ), ngành (17 tín chỉ) và chuyên ngành (18 tín chỉ). Cấu trúc này tạo sự linh hoạt tối đa, cho phép sinh viên điều chỉnh lộ trình học tập phù hợp với sở thích và định hướng nghề nghiệp.

Bảng so sánh chương trình đào tạo ngoài nước

Khối kiến thức	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh			Trường Đại Học EMBRY-RIDDLE Aeronautical			Trường Đại học Doha		
	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tỷ lệ %	Bắt buộc (TC)	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tỷ lệ %
Kiến thức giáo dục đại cương	23	2	19,8	15	21	30,0	30	6	28,6
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	89	12	80,2	72	12	70,0	78	12	71,4
Kiến thức cơ sở ngành	27	4	23,8				30		23,8

Khối kiến thức	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh			Trường Đại học EMBRY-RIDDLE Aeronautical			Trường Đại học Doha		
	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tỷ lệ %	Bắt buộc (TC)	Tỷ lệ %	Tỷ lệ	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tỷ lệ %
Kiến thức ngành	26		21,4	36		30,0	24		19,0
Kiến thức chuyên ngành	24	8	25,4	21		17,5	15	12	21,4
Kiến thức tốt nghiệp	12		9,5	15	12	22,5	9	0	7,1
Tổng	112	14	100,0	87	33	100,0	108	18	100,0
Tổng cộng	126			120			126		

Nhận xét:

Trường Đại học Embry-Riddle Aeronautical có tổng số 120 tín chỉ, trong đó 87 tín chỉ bắt buộc (72,5%) và 33 tín chỉ tự chọn (27,5%). Chương trình này có sự linh hoạt cao hơn so với Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh, đặc biệt ở khối kiến thức giáo dục đại cương với 21 tín chỉ tự chọn (chiếm 30%). Điều này cho thấy chương trình của Embry-Riddle Aeronautical nhấn mạnh vào sự linh hoạt và đa dạng hóa trong quá trình đào tạo.

Trường Đại học Doha có tổng số 126 tín chỉ, trong đó 108 tín chỉ bắt buộc (85,7%) và 18 tín chỉ tự chọn (14,3%). Chương trình của trường này tập trung cao vào kiến thức chuyên nghiệp với tỷ lệ bắt buộc cao (78 tín chỉ). Đáng chú ý là khối kiến thức giáo dục đại cương của Đại học Doha chiếm tỷ lệ khá cao (28,6%), cho thấy sự chú trọng đến nền tảng kiến thức tổng quát cho sinh viên.

Nhìn chung, chương trình đào tạo của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh thiên về sự chặt chẽ và chuyên sâu với tỷ lệ tín chỉ bắt buộc cao, đảm bảo cung cấp nền tảng kiến thức vững chắc và kiểm soát tốt chất lượng đầu ra. Trong khi đó, các chương trình đào tạo của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Embry-Riddle Aeronautical và Trường Đại học Doha đều có xu hướng linh hoạt hơn nhờ tỷ lệ tín chỉ tự chọn lớn. Đặc biệt, Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Embry-Riddle Aeronautical cho phép sinh viên chủ động lựa chọn môn học theo nhu cầu và định hướng cá nhân, đặc biệt là trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Sự khác biệt này phản ánh chiến lược đào tạo riêng của từng trường, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng và phát triển nghề nghiệp của sinh viên.

5.9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

1) Chương trình Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được xây dựng trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ giáo dục và Đào

tạo và nhu cầu nhân lực thực tế, bao gồm 126 tín chỉ.

2) Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

3) Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian trên cơ sở chương trình đào tạo và cây môn học, với sự hướng dẫn của cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

4) Thực tập, kiến tập: Trong khóa học sinh viên được tham quan thực tế các doanh nghiệp, trước khi làm tốt nghiệp sinh viên được đi thực tập thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh.

5) Phương pháp dạy, học: Kết hợp các phương pháp giảng dạy tích cực, tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong quá trình dạy và học.

6) Kiểm tra, thi: Tùy theo từng môn học, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của các sinh viên do các giáo viên đánh giá, kết thúc môn học sinh viên sẽ được đánh giá thông qua một bài thi hết môn. Kết quả đánh giá là sự kết hợp của cả 2 hình thức: thi kết thúc môn và đánh giá quá trình của các giáo viên giảng dạy môn học.

7) Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

8) Trưởng Khoa/ Bộ môn Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Khoa / Bộ môn Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập,...

9) Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật định kỳ theo quy định. Những thay đổi như cập nhật chính sách tuyển sinh, tài liệu giảng dạy học tập, cải tiến công tác giảng dạy và đánh giá được xem xét điều chỉnh thay đổi, thêm hoặc bỏ các học phần để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

P. TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Thị Hoài Thanh

**KT. TRƯỞNG P. ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Võ Thị Tuyết Mai

**TRƯỞNG PHÒNG
KT&ĐBCL**



Lê Thị Phụng

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Quyền